



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

# CÔNG BÁO

*Thành phố Hồ Chí Minh*

Số 27

Ngày 01 tháng 6 năm 2016

## MỤC LỤC

Trang

### PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

#### HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

- 21-4-2016- Nghị quyết số 08/2016/NQ-HĐND về ban hành Bộ tiêu thức phân công cơ quan thuế quản lý đối với doanh nghiệp mới thành lập trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. 4
- 21-4-2016- Nghị quyết số 09/2016/NQ-HĐND quy định mức hỗ trợ thường xuyên và trang bị phương tiện phòng cháy và chữa cháy cho lực lượng dân phòng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. 10

#### ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

- 22-4-2016- Quyết định số 13/2016/QĐ-UBND ban hành Quy chế phối hợp quản lý nhà nước công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. 13

- 06-5-2016- Quyết định số 14/2016/QĐ-UBND sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về tuyển dụng công chức và xếp lương khi bổ nhiệm ngạch ban hành kèm theo Quyết định số 30/2012/QĐ-UBND ngày 25 tháng 7 năm 2012 của Ủy ban nhân dân Thành phố. 23
- 09-5-2016- Quyết định số 15/2016/QĐ-UBND về việc phân cấp tiếp nhận hồ sơ đăng ký Nội quy lao động của người sử dụng lao động sử dụng từ 10 người lao động trở lên trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. 30
- 13-5-2016- Quyết định số 16/2016/QĐ-UBND về ban hành Bộ tiêu thức phân công cơ quan thuế quản lý đối với doanh nghiệp thành lập mới trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. 32
- 13-5-2016- Quyết định số 17/2016/QĐ-UBND quy định mức hỗ trợ thường xuyên và trang bị phương tiện phòng cháy và chữa cháy cho lực lượng dân phòng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. 36

## **PHẦN VĂN BẢN KHÁC**

### **HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ**

- 21-4-2016- Nghị quyết số 05/NQ-HĐND về bổ sung Quỹ tên đường tại Thành phố Hồ Chí Minh. 39
- 21-4-2016- Nghị quyết số 06/NQ-HĐND về đặt tên cho cầu bắc qua sông Rạch Chiếc trên đường Vành đai phía Đông thành phố mang tên “Phú Hữu”. 41

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ**

- 14-4-2016- Quyết định số 1854/QĐ-UBND ban hành Chương trình hành động về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2016. 43
- 22-4-2016- Quyết định số 1986/QĐ-UBND về duyệt đồ án quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu hỗn hợp tại khu đất số 678 đường Âu Cơ, Phường 14, quận Tân Bình. 61

**PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT****HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ****HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 08/2016/NQ-HĐND

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 4 năm 2016***NGHỊ QUYẾT****Về ban hành Bộ tiêu thức phân công cơ quan thuế quản lý  
đối với doanh nghiệp mới thành lập trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh****HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
KHÓA VIII, KỲ HỌP THỨ 21  
(Ngày 21 tháng 4 năm 2016)**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Luật Ban hành Văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Luật Quản lý thuế ngày 29 tháng 11 năm 2006;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế ngày 20 tháng 11 năm 2012;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2002;

Căn cứ Thông tư số 127/2015/TT-BTC ngày 21 tháng 8 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc cấp mã số doanh nghiệp thành lập mới và phân công cơ quan thuế quản lý đối với doanh nghiệp;

Xét Tờ trình số 1388/TTr-UBND ngày 30 tháng 3 năm 2016 của Ủy ban nhân dân Thành phố về tiêu thức phân công cơ quan thuế quản lý đối với doanh

ngành mới thành lập trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh thuộc phạm vi điều chỉnh của Thông tư số 127/2015/TT-BTC ngày 21 tháng 8 năm 2015 của Bộ Tài chính; Báo cáo thẩm tra số 196/BC-HĐND ngày 15 tháng 4 năm 2016 của Ban Kinh tế và Ngân sách Hội đồng nhân dân Thành phố và ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố,

### **QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Ban hành Bộ tiêu thức phân công cơ quan thuế quản lý đối với doanh nghiệp thành lập mới trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, như sau:

1. Các doanh nghiệp thỏa mãn 01 (một) trong các tiêu thức sau sẽ được phân công cho Cục Thuế Thành phố quản lý:

a) Tiêu thức phân công theo loại hình doanh nghiệp và qui mô vốn điều lệ: (theo phụ lục số 01 đính kèm Nghị quyết).

b) Tiêu thức phân công theo ngành nghề kinh doanh:

Hệ thống căn cứ vào ngành nghề kinh doanh chính của doanh nghiệp trên hồ sơ đăng ký doanh nghiệp, nếu ngành nghề kinh doanh chính thuộc danh sách chọn (theo phụ lục 2 đính kèm Nghị quyết) thì doanh nghiệp được phân công cho Cục Thuế quản lý.

c) Doanh nghiệp có hoạt động sản xuất kinh doanh xuất khẩu thường xuyên thuộc đối tượng và các trường hợp được hoàn thuế giá trị gia tăng.

2. Các doanh nghiệp không thỏa mãn các tiêu thức nêu trên sẽ phân công cho Chi cục Thuế quản lý theo địa bàn.

**Điều 2.** Giao Ủy ban nhân dân Thành phố tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết này.

**Điều 3.** Nghị quyết này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày thông qua.

**Điều 4.** Thường trực, các Ban và đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố giám sát chặt chẽ quá trình tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh khóa VIII, kỳ họp thứ 21 thông qua ngày 21 tháng 4 năm 2016./.

**CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Thị Quyết Tâm**

**PHỤ LỤC 01**  
**TIÊU THỨC PHÂN CÔNG THEO LOẠI HÌNH DOANH NGHIỆP**  
**VÀ QUI MÔ VỐN ĐIỀU LỆ**  
*(Kèm theo Nghị quyết số: 08/2016/NQ-HĐND ngày 21 tháng 4 năm 2016*  
*của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh khóa VIII)*

STT	TIÊU THỨC	GHI CHÚ
1	Doanh nghiệp có vốn nhà nước	Doanh nghiệp nhà nước có vốn nhà nước sẽ do Cục Thuế quản lý.
2	Doanh nghiệp FDI, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	Doanh nghiệp FDI, đầu tư nước ngoài đầu tư theo Luật đầu tư sẽ do Cục Thuế quản lý (có giấy chứng nhận đầu tư). Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đầu tư theo Luật Doanh nghiệp có vốn góp nước ngoài/tổng vốn $\geq 30\%$ sẽ do Cục Thuế quản lý.
3	Doanh nghiệp dự án BOT, BBT, BT,...	Do Cục Thuế quản lý.
4	Doanh nghiệp thuộc Ban quản lý Khu công nghiệp - Khu chế xuất, Khu Công Nghệ Cao, Khu CN Phần mềm Quang Trung quản lý, có địa chỉ trụ sở nằm trong Khu công nghiệp - Khu chế xuất.	Do Cục Thuế quản lý.
5	Qui mô vốn điều lệ	DN có vốn điều lệ $\geq 100$ tỷ trở lên sẽ do Cục Thuế quản lý.

**PHỤ LỤC 02**  
**TIÊU THỨC PHÂN CÔNG THEO NGÀNH NGHỀ KINH DOANH**  
*(Kèm theo Nghị quyết số: 08/2016/NQ-HĐND ngày 21 tháng 4 năm 2016*  
*của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh khóa VIII)*

STT	MÃ NGÀNH	TÊN NGÀNH
1		Khai thác than cứng và than non
2	B0510	Khai thác và thu gom than cứng
3	B0610	Khai thác dầu thô
4	B0620	Khai thác khí đốt tự nhiên
5	B0710	Khai thác quặng sắt
6	B0721	Khai thác uranium và quặng thorium
7	B0722	Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt
8	B0730	Khai thác quặng kim loại quý hiếm
9	D3510	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện
10	D3520	Sản xuất khí đốt, phân phối nhiên liệu khí bằng đường ống
11	H5011	Vận tải hành khách ven biển và viễn dương
12	H5012	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương
13	K6411	Hoạt động ngân hàng trung ương
14	K6419	Hoạt động trung gian tiền tệ khác
15	K6420	Hoạt động công ty nắm giữ tài sản
16	K6430	Hoạt động quỹ ủy thác, các quỹ và các tổ chức tài chính khác
17	K6491	Hoạt động cho thuê tài chính
18	K6492	Hoạt động công tín dụng khác
19	K6499	Hoạt động dịch vụ tài chính khác chưa được phân vào đâu (trừ bảo hiểm và bảo hiểm xã hội)
20	K6511	Bảo hiểm nhân thọ
21	K6512	Bảo hiểm phi nhân thọ
22	K6520	Tái bảo hiểm
23	K6530	Bảo hiểm xã hội
24	K6611	Quản lý thị trường tài chính



25	K6512	Môi giới hợp đồng hàng hóa và chứng khoán
26	K6619	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu
27	K6621	Đánh giá rủi ro và thiệt hại
28	K6629	Hoạt động hỗ trợ khác cho bảo hiểm và bảo hiểm xã hội
29	K6630	Hoạt động quản lý quỹ
30	R9200	Hoạt động xổ số, cá cược và đánh bạc
31	U9900	Hoạt động của các tổ chức và cơ quan quốc tế

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 09/2016/NQ-HĐND

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 4 năm 2016*

## **NGHỊ QUYẾT**

**Quy định mức hỗ trợ thường xuyên và trang bị phương tiện phòng cháy  
và chữa cháy cho lực lượng dân phòng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.**

### **HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH KHÓA VIII, KỲ HỌP THỨ 21 (Ngày 21 tháng 4 năm 2016)**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Luật Phòng cháy và chữa cháy ngày 29 tháng 6 năm 2001;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy ngày 22 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Phòng cháy và chữa cháy;

Căn cứ Thông tư số 56/2014/TT-BCA ngày 12 tháng 11 năm 2014 của Bộ Công an quy định về trang bị phương tiện phòng cháy và chữa cháy cho lực lượng dân phòng, lực lượng phòng cháy và chữa cháy cơ sở, lực lượng phòng cháy và chữa cháy chuyên ngành;

Căn cứ Thông tư số 48/2015/TT-BCA ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Công an về quy định trang phục chữa cháy của lực lượng dân phòng, lực lượng phòng cháy và chữa cháy cơ sở, lực lượng phòng cháy và chữa cháy chuyên ngành;

Xét Tờ trình số 1311/TTr-UBND ngày 25 tháng 3 năm 2016 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc trang bị phương tiện phòng cháy, chữa cháy và chế độ chính sách cho lực lượng dân phòng trên địa bàn Thành phố; Báo cáo thẩm tra số 197/BC-

HĐND ngày 15 tháng 4 năm 2016 của Ban Kinh tế và Ngân sách Hội đồng nhân dân Thành phố và ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố,

### **QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Quy định mức hỗ trợ thường xuyên và danh mục trang bị phương tiện phòng cháy và chữa cháy cho lực lượng dân phòng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, cụ thể:

1. Quy định mức hỗ trợ thường xuyên cho Đội trưởng, Đội phó Đội Dân phòng bằng 25% lương cơ sở/người/tháng.

2. Thông qua Danh mục phương tiện phòng cháy và chữa cháy trang bị cho một đội dân phòng (theo phụ lục đính kèm).

**Điều 2.** Giao Ủy ban nhân dân Thành phố tổ chức triển khai, hướng dẫn thực hiện Nghị quyết này đảm bảo đúng quy định pháp luật, tiết kiệm, tránh lãng phí.

**Điều 3.** Nghị quyết này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày thông qua.

**Điều 4.** Thường trực, các Ban và đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố giám sát chặt chẽ quá trình tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh khóa VIII, kỳ họp thứ 21 thông qua ngày 21 tháng 4 năm 2016./.

**CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Thị Quyết Tâm**

**PHỤ LỤC**  
**DANH MỤC PHƯƠNG TIỆN PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY**  
**TRANG BỊ CHO MỘT ĐỘI DÂN PHÒNG**

*(Kèm theo Nghị quyết số: 09/2016/NQ-HĐND ngày 21 tháng 4 năm 2016  
của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh khóa VIII)*

STT	DANH MỤC	Đơn vị tính	Số lượng	Niên hạn sử dụng
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1.	Khóa mở trụ nước (trang bị cho địa bàn có trụ cấp nước chữa cháy đô thị)	Chiếc	01 chiếc/đội	Hỏng thay thế
2.	Bình bột chữa cháy xách tay loại 8kg	Bình	05 bình/đội	Theo quy định của nhà sản xuất
3.	Bình khí CO <sub>2</sub> chữa cháy xách tay loại 5kg	Bình	05 bình/đội	Theo quy định của nhà sản xuất
4.	Mũ chữa cháy	Chiếc	01 chiếc/người	03 năm
5.	Quần áo chữa cháy	Bộ	01 bộ/người	02 năm
6.	Găng tay chữa cháy	Đôi	01 đôi/người	Hỏng thay thế
7.	Ủng chữa cháy	Đôi	01 đôi/người	Hỏng thay thế
8.	Đèn pin chuyên dụng	Chiếc	02 chiếc/đội	Hỏng thay thế
9.	Câu liêm, bô cào	Chiếc	02 chiếc/đội	Hỏng thay thế
10.	Dây cứu người	Cuộn	02 cuộn/đội	Hỏng thay thế
11.	Hộp sơ cứu (kèm theo các dụng cụ cứu thương)	Hộp	01 hộp/đội	Hỏng thay thế
12.	Thang chữa cháy	Chiếc	01 chiếc/đội	Hỏng thay thế
13.	Loa pin	Chiếc	02 chiếc/đội	Hỏng thay thế
14.	Khẩu trang lọc độc	Chiếc	01 chiếc/người	Hỏng thay thế

## ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 13/2016/QĐ-UBND

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 4 năm 2016*

### **QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Quy chế phối hợp quản lý nhà nước  
công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính  
trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính;

Căn cứ Nghị định số 20/2016/NĐ-CP ngày 30 tháng 3 năm 2016 của Chính phủ Quy định cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính;

Căn cứ Thông tư số 10/2015/TT-BTP ngày 31 tháng 8 năm 2015 của Bộ Tư pháp Quy định chế độ báo cáo trong quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính và theo dõi tình hình thi hành pháp luật;

Xét ý kiến của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 2070/TTr-STP-THPL ngày 06 tháng 4 năm 2016;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phối hợp quản lý nhà nước

công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành, sau 10 ngày kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố; Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện; phường-xã, thị trấn, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Lê Thanh Liêm**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

## **QUY CHẾ**

**Phối hợp quản lý nhà nước công tác thi hành pháp luật về xử lý  
vi phạm hành chính trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh**  
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 13/2016/QĐ-UBND  
ngày 22 tháng 4 năm 2016 của Ủy ban nhân dân Thành phố)*

### **Chương I QUY ĐỊNH CHUNG**

#### **Điều 1. Phạm vi, đối tượng điều chỉnh**

Quy chế này quy định nguyên tắc, hình thức và nội dung phối hợp giữa Sở Tư pháp với các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố, các cơ quan được tổ chức theo ngành dọc đóng trên địa bàn Thành phố (sau đây gọi chung là các Sở, Ban, ngành), Ủy ban nhân dân quận - huyện, phường-xã, thị trấn, các tổ chức, cá nhân liên quan trong việc thực hiện quản lý nhà nước công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

#### **Điều 2. Nguyên tắc phối hợp**

1. Tuân thủ quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.
2. Hoạt động phối hợp dựa trên chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của từng cơ quan và không làm ảnh hưởng đến hoạt động chuyên môn của các cơ quan có liên quan.
3. Bảo đảm công tác quản lý xử lý vi phạm hành chính được thực hiện kịp thời, thông suốt, hiệu quả.

#### **Điều 3. Hình thức phối hợp**

1. Trao đổi ý kiến bằng văn bản, cung cấp thông tin, tài liệu có liên quan đến công tác xử lý vi phạm hành chính theo yêu cầu của cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp.
2. Tổ chức, tham gia họp liên ngành, hội nghị chuyên đề, sơ kết, tổng kết.

3. Kiểm tra liên ngành.
4. Các hình thức khác theo quy định.

## **Chương II**

### **NỘI DUNG PHỐI HỢP TRONG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CÔNG TÁC THI HÀNH PHÁP LUẬT VỀ XỬ LÝ VI PHẠM HÀNH CHÍNH**

**Điều 4. Phối hợp trong việc tổ chức thực hiện, theo dõi tình hình thi hành, xây dựng, hoàn thiện pháp luật về xử lý vi phạm hành chính**

1. Các Sở, Ban, ngành, Ủy ban nhân dân quận - huyện, phường-xã, thị trấn:

a) Tổ chức xây dựng cơ sở vật chất, kiện toàn tổ chức, bố trí nguồn lực để triển khai việc thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

b) Triển khai và tổ chức thực hiện các quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính và các văn bản của cấp có thẩm quyền hướng dẫn, chỉ đạo việc xử lý vi phạm hành chính.

c) Chủ động rà soát, theo dõi tình hình áp dụng các văn bản quy phạm pháp luật về xử lý vi phạm hành chính thuộc phạm vi, lĩnh vực quản lý; kịp thời kiến nghị cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung các quy định không khả thi, không phù hợp với thực tiễn hoặc chồng chéo, mâu thuẫn.

2. Sở Tư pháp tổng hợp các kiến nghị, phản ánh của các Sở, Ban, ngành, Ủy ban nhân dân quận - huyện về những vướng mắc trong quá trình thực thi pháp luật về xử lý vi phạm hành chính tại địa phương đề nghị Ủy ban nhân dân Thành phố kiến nghị Chính phủ, Bộ Tư pháp hoặc các Bộ, ngành Trung ương xem xét, hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung để nâng cao hiệu quả công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

**Điều 5. Phối hợp phổ biến pháp luật, hướng dẫn, tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ về pháp luật xử lý vi phạm hành chính**

1. Hội đồng phổ biến giáo dục pháp luật Thành phố và quận - huyện tổ chức phổ biến pháp luật xử lý vi phạm hành chính với nội dung và hình thức phù hợp với từng đối tượng cụ thể.

2. Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp tham mưu Ủy ban nhân dân cùng cấp nghiên cứu, biên soạn tài liệu hoặc thu thập, tổng hợp các tài liệu đã phát hành phục vụ công



tác phổ biến, bồi dưỡng, tập huấn pháp luật về xử lý vi phạm hành chính; hướng dẫn nghiệp vụ áp dụng pháp luật về xử lý vi phạm hành chính theo thẩm quyền.

3. Các Sở, ban ngành chủ trì tổ chức tập huấn, hướng dẫn, bồi dưỡng nghiệp vụ pháp luật về xử lý vi phạm hành chính đối với lĩnh vực chuyên môn thuộc phạm vi quản lý của mình cho người làm công tác xử lý vi phạm hành chính.

4. Ủy ban nhân dân quận - huyện chủ trì tổ chức tập huấn, hướng dẫn, bồi dưỡng nghiệp vụ pháp luật về xử lý vi phạm hành chính cho người làm công tác xử lý vi phạm hành chính thuộc phạm vi quản lý của mình.

### **Điều 6. Phối hợp trong kiểm tra việc thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính**

1. Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp tham mưu Ủy ban nhân dân cùng cấp thành lập Đoàn kiểm tra liên ngành để thực hiện kiểm tra định kỳ theo chuyên đề hoặc kiểm tra đột xuất đối với những trường hợp, vụ việc áp dụng pháp luật xử lý vi phạm hành chính có nhiều khó khăn vướng mắc hoặc có dấu hiệu xâm phạm nghiêm trọng quyền, lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức.

2. Các Sở, Ban, ngành, Ủy ban nhân dân quận - huyện, các phòng ban chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận - huyện có trách nhiệm tổ chức kiểm tra việc thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính theo phạm vi ngành, lĩnh vực quản lý; cử cán bộ, công chức có thẩm quyền và trình độ chuyên môn nghiệp vụ tham gia Đoàn kiểm tra liên ngành về tình hình thi hành pháp luật xử lý vi phạm hành chính khi được yêu cầu; báo cáo kết quả kiểm tra theo quy định.

### **Điều 7. Phối hợp thanh tra việc thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính**

1. Sở Tư pháp có trách nhiệm tham mưu, kiến nghị Ủy ban nhân dân Thành phố tổ chức thanh tra tình hình thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

2. Công tác phối hợp thanh tra thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính giữa Sở Tư pháp với các Sở, Ban, ngành, Ủy ban nhân dân quận - huyện được thực hiện trong trường hợp có kiến nghị, phản ánh của cá nhân, tổ chức, báo chí về việc áp dụng quy định pháp luật về xử lý vi phạm hành chính gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền, lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức.

3. Các Sở, Ban, ngành, Ủy ban nhân dân quận - huyện có trách nhiệm cử cán bộ, công chức có thẩm quyền và trình độ chuyên môn nghiệp vụ tham gia, phối hợp thực

hiện thanh tra theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính và pháp luật thanh tra.

### **Điều 8. Phối hợp xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính**

1. Sở Tư pháp tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân Thành phố trong việc xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu về xử lý vi phạm hành chính của địa phương và tích hợp vào cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính tại Bộ Tư pháp theo quy định của Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Tư pháp.

2. Các Sở, Ban, ngành, Ủy ban nhân dân quận-huyện, cơ quan của người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính, cơ quan thi hành quyết định xử phạt, thi hành quyết định cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính, cơ quan quyết định áp dụng các biện pháp xử lý hành chính, cơ quan thi hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính có trách nhiệm cung cấp, cập nhật thông tin về xử lý vi phạm hành chính do mình thực hiện đến hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính theo quy định của Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Tư pháp.

3. Đề nghị Tòa án nhân dân có thẩm quyền xem xét, quyết định áp dụng các biện pháp xử lý vi phạm hành chính phối hợp, cung cấp, cập nhật thông tin liên quan đến việc ban hành, thi hành quyết định xử lý vi phạm hành chính do mình thực hiện đến hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính theo quy định của Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao và hướng dẫn của Bộ Tư pháp.

### **Điều 9. Phối hợp thống kê về xử lý vi phạm hành chính**

Các Sở, Ban, ngành, Ủy ban nhân dân quận - huyện thực hiện công tác thống kê về xử lý vi phạm hành chính để phục vụ công tác hoàn thiện chính sách pháp luật, công tác báo cáo tình hình thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính theo quy định tại Điều 24 Nghị định số 81/2013/NĐ-CP của Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Tư pháp.

### **Điều 10. Phối hợp báo cáo công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính**

1. Báo cáo định kỳ:

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã báo cáo công tác thi hành pháp luật xử lý vi phạm hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của địa phương mình đến Ủy ban nhân dân cấp huyện trước ngày 05 tháng 4 đối với báo cáo định kỳ 06 tháng; trước ngày 05 tháng 10 đối với báo cáo hàng năm.

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận- huyện chỉ đạo Phòng Tư pháp chủ trì phối hợp với các phòng ban chuyên môn lập báo cáo tình hình xử phạt vi phạm hành chính và báo cáo tình hình áp dụng các biện pháp xử lý hành chính tại địa phương; các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố và các cơ quan được tổ chức theo ngành dọc đóng trên địa bàn Thành phố báo cáo công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của mình gửi Sở Tư pháp trước ngày 10 tháng 4 đối với báo cáo định kỳ 06 tháng; trước ngày 10 tháng 10 đối với báo cáo hàng năm để Sở Tư pháp tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố.

c) Ngoài nội dung quy định tại điểm b khoản 1 Điều này:

- Sở Lao động - Thương binh và Xã hội báo cáo tình hình lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc; tình hình tiếp nhận và quản lý đối tượng bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc; tình hình tiếp nhận vào cơ sở bảo trợ xã hội các đối tượng không xác định được nơi cư trú là người chưa thành niên, người ốm yếu không còn khả năng lao động sau khi hết hạn chấp hành biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc.

- Công an Thành phố báo cáo tình hình lập hồ sơ đề nghị áp dụng các biện pháp xử lý hành chính đưa vào trường giáo dưỡng, đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc.

2. Ngoài việc thực hiện báo cáo định kỳ theo quy định tại khoản 1 Điều này, các sở, ban ngành, Ủy ban nhân dân quận- huyện thực hiện báo cáo đột xuất theo yêu cầu của Bộ Tư pháp, các Bộ, ngành Trung ương và triển khai của Sở Tư pháp khi có yêu cầu.

3. Thời điểm lấy số liệu đối với báo cáo định kỳ 6 tháng tính từ ngày 01 tháng 10 năm trước đến ngày 31 tháng 3 năm sau; đối với báo cáo hàng năm, từ ngày 01 tháng 10 năm trước đến ngày 30 tháng 9 năm sau.

4. Nội dung báo cáo thực hiện theo quy định tại Điều 25 Nghị định số 81/2013/NĐ-CP của Chính phủ, hướng dẫn của Bộ Tư pháp tại Thông tư số 10/2015/TT-BTP ngày 31 tháng 8 năm 2015 và đề nghị của Sở Tư pháp.

### **Chương III**

#### **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **Điều 11. Sở Tư pháp**

1. Chủ trì tổ chức thực hiện Quy chế này.

2. Chủ động xây dựng chương trình, kế hoạch hoặc đề xuất nội dung phối hợp liên ngành trong quản lý nhà nước công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn Thành phố.

3. Theo dõi, đôn đốc đánh giá về công tác phối hợp; là cơ quan đầu mối tiếp nhận báo cáo của các Sở, Ban, ngành, Ủy ban nhân dân quận - huyện; giúp Ủy ban nhân dân Thành phố thực hiện công tác báo cáo tình hình thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn Thành phố.

4. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan theo dõi, đôn đốc, đánh giá kết quả việc thực hiện Quy chế, đề ra những giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn Thành phố.

5. Đề nghị Tòa án nhân dân Thành phố, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố, trong quá trình thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình, phối hợp theo dõi thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn Thành phố; thực hiện thống kê, cung cấp thông tin, số liệu về tình hình xử lý vi phạm hành chính thuộc phạm vi thẩm quyền quản lý của mình cho Sở Tư pháp để tổng hợp thành báo cáo chung về tình hình thi hành pháp luật xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn Thành phố.

6. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố và các tổ chức thành viên, các Ban của Hội đồng nhân dân Thành phố phối hợp thực hiện chức năng giám sát thông qua việc tham gia các hoạt động kiểm tra tình hình thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính do Đoàn kiểm tra Liên ngành của Thành phố thực hiện.

## **Điều 12. Sở Nội vụ**

Phối hợp với Sở Tư pháp tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố kiện toàn tổ chức, bố trí nhân sự thực hiện chức năng, nhiệm vụ quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính theo Quyết định số 1950/QĐ-TTg ngày 25 tháng 10 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề án “Xây dựng tổ chức bộ máy, biên chế triển khai thực hiện quản lý thống nhất công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính của Bộ Tư pháp, các Bộ, cơ quan ngang Bộ và các cơ quan tư pháp địa phương”; Thông tư liên tịch số 23/2014/TTLT-BTP-BNV ngày 22 tháng 12 năm 2014 của liên bộ Tư pháp, Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tư pháp thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Phòng Tư pháp thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh; Quyết định số 6037/QĐ-UBND ngày 12 tháng 12 năm 2014 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt Đề án “Tổ chức bộ máy, biên chế triển khai thực

hiện nhiệm vụ quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh”.

### **Điều 13. Sở Thông tin và Truyền thông**

Phối hợp với Sở Tư pháp thực hiện việc tuyên truyền, phổ biến pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên các phương tiện thông tin đại chúng.

### **Điều 14. Sở Tài chính**

Hàng năm bố trí ngân sách đảm bảo kinh phí cho công tác quản lý nhà nước về thi hành pháp luật xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn Thành phố. Hướng dẫn Ủy ban nhân dân quận-huyện bố trí ngân sách đảm bảo kinh phí cho công tác quản lý nhà nước về thi hành pháp luật xử lý vi phạm hành chính trong phạm vi thẩm quyền của quận, huyện.

### **Điều 15. Ủy ban nhân dân quận - huyện**

1. Chỉ đạo thực hiện quản lý công tác thi hành pháp luật xử lý vi phạm hành chính để thực hiện các nhiệm vụ quy định tại Điều 17 Luật Xử lý vi phạm hành chính và Chương II Nghị định số 81/2013/NĐ-CP của Chính phủ và Quy chế này.

2. Phân bổ, bố trí đủ nhân sự để Phòng Tư pháp phân công cán bộ chuyên trách thực hiện nhiệm vụ quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn.

3. Chỉ đạo Ủy ban nhân dân phường - xã, thị trấn bố trí đủ công chức Tư pháp - Hộ tịch để thực hiện nhiệm vụ quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn.

4. Bố trí ngân sách cho hoạt động quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính thuộc phạm vi, thẩm quyền của quận, huyện.

5. Phối hợp với Sở Tư pháp và các cơ quan liên quan triển khai thực hiện quản lý nhà nước công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính theo quy định pháp luật và kế hoạch của Ủy ban nhân dân Thành phố.

### **Điều 16. Các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố; các cơ quan được tổ chức theo ngành dọc đóng trên địa bàn Thành phố**

Phối hợp với Sở Tư pháp và các cơ quan liên quan triển khai thực hiện quản lý nhà nước công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính theo quy định pháp luật và Quy chế này.

**Điều 17. Điều khoản thi hành**

1. Các Sở, Ban, ngành, Ủy ban nhân dân quận - huyện, phường - xã, thị trấn, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Quy chế này.

2. Sở Tư pháp theo dõi, đôn đốc việc thực hiện Quy chế này, định kỳ tổng hợp kết quả thực hiện công tác quản lý xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn Thành phố, báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố và Bộ Tư pháp theo quy định.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị kịp thời phản ánh về Ủy ban nhân dân Thành phố thông qua Sở Tư pháp để Sở Tư pháp tổng hợp, báo cáo đề xuất Ủy ban nhân dân Thành phố sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với thực tế và quy định của pháp luật./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Lê Thanh Liêm**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 14/2016/QĐ-UBND

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 5 năm 2016*

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về tuyển dụng công chức  
và xếp lương khi bổ nhiệm ngạch ban hành kèm theo Quyết định  
số 30/2012/QĐ-UBND ngày 25 tháng 7 năm 2012  
của Ủy ban nhân dân Thành phố**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Nghị định số 24/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2010 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức;

Căn cứ Thông tư số 13/2010/TT-BNV ngày 30 tháng 12 năm 2010 của Bộ Nội vụ quy định chi tiết một số điều về tuyển dụng và nâng ngạch công chức của Nghị định số 24/2010/NĐ-CP; Thông tư số 05/2012/TT-BNV ngày 24 tháng 10 năm 2012 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2010/TT-BNV; Thông tư số 03/2015/TT-BNV ngày 10 tháng 3 năm 2015 của Bộ Nội vụ về sửa đổi, bổ sung Điều 9 của Thông tư số 13/2010/TT-BNV;

Căn cứ Thông tư số 11/2014/TT-BNV ngày 09 tháng 10 năm 2014 của Bộ Nội vụ quy định chức danh, mã số ngạch và tiêu chuẩn nghiệp vụ chuyên môn các ngạch công chức chuyên ngành hành chính;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 1262/TTr-SNV ngày 15 tháng 4 năm 2016,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về tuyển dụng công chức và

xếp lương khi bổ nhiệm ngạch ban hành kèm theo Quyết định số 30/2012/QĐ-UBND ngày 25 tháng 7 năm 2012 của Ủy ban nhân dân Thành phố như sau:

**1. Sửa đổi Khoản 2, Điều 5 như sau:**

**“2. Tiêu chuẩn dự tuyển:**

**a) Công chức loại C: Ngạch chuyên viên hoặc tương đương:**

- Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên với chuyên ngành đào tạo phù hợp với ngành, lĩnh vực cần tuyển;

- Có chứng chỉ ngoại ngữ với trình độ tương đương bậc 2 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc có chứng chỉ tiếng dân tộc đối với những vị trí việc làm yêu cầu sử dụng tiếng dân tộc;

- Có chứng chỉ tin học với trình độ đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11 tháng 3 năm 2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin.

**b) Công chức loại D: Ngạch cán sự hoặc tương đương:**

- Có bằng tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng trở lên với chuyên ngành đào tạo phù hợp với yêu cầu vị trí việc làm;

- Có chứng chỉ ngoại ngữ với trình độ tương đương bậc 1 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

- Có chứng chỉ tin học với trình độ đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11 tháng 3 năm 2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin.

c) Đối với người dự tuyển vào các chức danh công chức cấp xã phải đảm bảo tiêu chuẩn theo quy định tại Quyết định số 18/2015/QĐ-UBND ngày 07 tháng 4 năm 2015 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quy định về tiêu chuẩn công chức phường, xã, thị trấn trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.”

**2. Sửa đổi Điều 6 như sau:**



“Điều 6. Hồ sơ đăng ký dự tuyển công chức bao gồm

1. Đơn đăng ký dự tuyển công chức theo mẫu tại phụ lục số 1 ban hành kèm theo Thông tư số 13/2010/TT-BNV ngày 30 tháng 12 năm 2012 của Bộ Nội vụ;

2. Bản sơ yếu lý lịch tự thuật có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền trong thời hạn 30 ngày, tính đến ngày nộp hồ sơ dự tuyển;

3. Bản sao giấy khai sinh và hộ khẩu thường trú tại Thành phố Hồ Chí Minh. Trường hợp thí sinh đăng ký dự tuyển công chức vào các vị trí thuộc lĩnh vực khoa học và công nghệ, nếu không có hộ khẩu thường trú tại Thành phố Hồ Chí Minh phải đáp ứng một trong các tiêu chuẩn: Tốt nghiệp thủ khoa tại các cơ sở đào tạo trình độ đại học trong nước; tốt nghiệp đại học, sau đại học loại giỏi, xuất sắc ở nước ngoài; có bằng tiến sĩ, tuổi đời dưới 35 tuổi; có bằng thạc sĩ hoặc bằng tốt nghiệp đại học loại giỏi, tuổi đời dưới 30;

4. Bản chụp các văn bằng, chứng chỉ và kết quả học tập theo yêu cầu của vị trí dự tuyển;

5. Giấy chứng nhận sức khỏe còn giá trị sử dụng do cơ quan y tế đủ điều kiện được khám sức khỏe chứng nhận theo quy định tại Thông tư số 14/2013/TT-BYT ngày 06 tháng 5 năm 2013 của Bộ Y tế về hướng dẫn khám sức khỏe;

6. Giấy chứng nhận thuộc đối tượng ưu tiên trong tuyển dụng công chức (nếu có) được cơ quan có thẩm quyền chứng thực.”

**3. Bãi bỏ Khoản 3, Điều 9 Quy định về tuyển dụng công chức và xếp lương khi bổ nhiệm ngạch ban hành kèm theo Quyết định số 30/2012/QĐ-UBND ngày 25 tháng 7 năm 2012 của Ủy ban nhân dân Thành phố.**

**4. Sửa đổi Khoản 9, Điều 9 như sau:**

“9. Quyết định tuyển dụng và nhận việc

a) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày có quyết định phê duyệt kết quả tuyển dụng của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố, Thủ trưởng các sở, ban, ngành và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận-huyện có thí sinh đăng ký dự tuyển công chức phải gửi thông báo công nhận kết quả trúng tuyển bằng văn bản tới người dự tuyển theo địa chỉ mà người dự tuyển đã đăng ký;

b) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo công nhận kết quả trúng tuyển của các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các quận-huyện, người trúng tuyển phải đến các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các quận-huyện để hoàn thiện

hồ sơ dự tuyển. Hồ sơ dự tuyển phải được bổ sung để hoàn thiện trước khi ký quyết định tuyển dụng, bao gồm:

- Bản sao các văn bằng, chứng chỉ và kết quả học tập theo yêu cầu của vị trí dự tuyển, được cơ quan có thẩm quyền chứng thực;

- Phiếu lý lịch tư pháp do Sở Tư pháp nơi thường trú cấp.

c) Trường hợp người trúng tuyển có lý do chính đáng mà không thể đến hoàn thiện hồ sơ dự tuyển thì phải làm đơn xin gia hạn trước khi kết thúc thời hạn hoàn thiện hồ sơ dự tuyển gửi các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các quận-huyện. Thời gian xin gia hạn không quá 15 ngày, kể từ ngày hết thời hạn hoàn thiện hồ sơ dự tuyển quy định tại Điểm b, Khoản 9, Điều này;

d) Sau khi nhận đủ hồ sơ dự tuyển của người trúng tuyển, Thủ trưởng các sở, ban, ngành và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận-huyện có trách nhiệm thẩm tra, xác minh văn bằng, chứng chỉ của người trúng tuyển bảo đảm chính xác theo quy định của pháp luật;

đ) Sau khi hoàn thành các thủ tục theo quy định tại Điểm b, Điểm c và Điểm d, Khoản 9 Điều này, trong thời hạn 15 ngày làm việc, Thủ trưởng các sở, ban, ngành và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận-huyện phải ra quyết định tuyển dụng đối với người trúng tuyển; trường hợp người trúng tuyển không hoàn thiện đủ hồ sơ dự tuyển theo quy định hoặc các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các quận-huyện phát hiện người trúng tuyển sử dụng văn bằng, chứng chỉ không hợp pháp thì Thủ trưởng các sở, ban, ngành và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện thông qua Sở Nội vụ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố ra quyết định hủy kết quả trúng tuyển;

e) Người được tuyển dụng vào công chức phải đến nhận việc trong thời hạn quy định tại Khoản 2, Điều 18 Nghị định số 24/2010/NĐ-CP;

g) Trường hợp người trúng tuyển bị hủy bỏ kết quả trúng tuyển theo quy định tại Điểm đ, Khoản 9 Điều này thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định tuyển dụng người có kết quả tuyển dụng thấp hơn liền kề ở vị trí tuyển dụng đó, nếu người đó bảo đảm có đủ các điều kiện quy định tại Điểm a, Điểm b, Khoản 1, Điều 11 Nghị định số 24/2010/NĐ-CP;

Trường hợp có từ 02 người trở lên có kết quả tuyển dụng thấp hơn liền kề bằng nhau thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định người trúng tuyển theo quy định tại Khoản 2, Điều 11 Nghị định số 24/2010/NĐ-CP;

h) Người được tuyển dụng thực hiện chế độ tập sự theo quy định tại Điều 22 Nghị định số 24/2010/NĐ-CP;

i) Đối với các trường hợp được miễn thực hiện chế độ tập sự theo quy định tại Khoản 1, Điều 12 Thông tư số 13/2010/TT-BNV ngày 30 tháng 12 năm 2010 của Bộ Nội vụ, sau khi người trúng tuyển hoàn thiện hồ sơ, thì Thủ trưởng các sở, ban, ngành và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận-huyện ra quyết định tuyển dụng và làm thủ tục bổ nhiệm ngạch công chức theo quy định.”

**5.** Bãi bỏ Điểm c, Khoản 2, Điều 11 Quy định về tuyển dụng công chức và xếp lương khi bổ nhiệm ngạch ban hành kèm theo Quyết định số 30/2012/QĐ-UBND ngày 25 tháng 7 năm 2012 của Ủy ban nhân dân Thành phố.

**6.** Bổ sung Chương IVa. Tiếp nhận, điều động cán bộ, công chức ngoài biên chế Thành phố về công tác tại cơ quan hành chính, sự nghiệp của Thành phố:

“Điều 11a. Tiếp nhận, điều động cán bộ, công chức ngoài biên chế Thành phố về công tác tại cơ quan hành chính, sự nghiệp của Thành phố

#### 1. Đối tượng tiếp nhận

Cán bộ, công chức có chồng (hoặc vợ) hiện đang có công việc ổn định (01 năm trở lên) tại tổ chức có tư cách pháp nhân và thường trú tại Thành phố Hồ Chí Minh; hoặc là người duy nhất nuôi dưỡng cha mẹ già yếu thường trú tại Thành phố.

#### 2. Điều kiện xem xét tiếp nhận

a) Cơ quan quản lý công chức đồng ý cho chuyển công tác; hoàn thành tốt nhiệm vụ tại cơ quan, đơn vị (theo phiếu đánh giá công chức hàng năm);

b) Có phẩm chất đạo đức tốt;

c) Đủ sức khỏe để đảm nhận nhiệm vụ, công việc;

d) Cơ quan, đơn vị tiếp nhận có nhu cầu bố trí công việc, còn chỉ tiêu biên chế, chuyên môn đào tạo phù hợp với vị trí công tác tiếp nhận;

đ) Tự thu xếp được nơi ở (không thuộc diện phải bố trí nhà công vụ);

e) Ưu tiên công chức tình nguyện công tác tại huyện thời gian 05 năm trở lên;

g) Không tiếp nhận những người trong thời gian đang thi hành kỷ luật, đã từng bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

#### 3. Thủ tục tiếp nhận

a) Đơn xin chuyển công tác có ý kiến đồng ý của Thủ trưởng cơ quan,

đơn vị nơi công tác. Công chức đang công tác tại cơ quan, đơn vị trực thuộc phải có ý kiến cơ quan chủ quản cấp trên (Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc Sở - ngành có liên quan);

b) Công văn của cơ quan, đơn vị đề nghị tiếp nhận nêu rõ nhu cầu thực sự về công việc; hoặc giấy xác nhận đang có công việc ổn định của vợ hoặc chồng tại Thành phố (kèm bảo sao hộ khẩu Thành phố); hoặc bản sao hộ khẩu thường trú của cha hoặc mẹ, của vợ hoặc chồng;

c) Sơ yếu lý lịch theo mẫu 2C-BNV/2008;

d) Bản sao văn bằng, chứng chỉ phù hợp với yêu cầu công việc;

đ) Bản sao quyết định bổ nhiệm ngạch công chức;

e) Bản sao quyết định lương hiện hưởng;

g) Phiếu đánh giá công chức hàng năm;

h) Đối với người thuộc diện hợp lý hóa gia đình cần thêm:

- Bản sao giấy đăng ký kết hôn;

- Bản sao hộ khẩu thường trú của vợ hoặc chồng;

- Xác nhận quá trình công tác của vợ hoặc chồng (nếu có);

- Xác nhận có nhà ở ổn định tại Thành phố.

4. Ngoài các đối tượng trên, căn cứ vào nhu cầu của địa phương, Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định đối với từng trường hợp cụ thể của công chức ngoài biên chế Thành phố về công tác tại các cơ quan hành chính, sự nghiệp của Thành phố.

Giao Sở Nội vụ chịu trách nhiệm hướng dẫn thực hiện quy trình, thủ tục tiếp nhận công chức ngoài biên chế Thành phố về công tác tại các cơ quan hành chính, sự nghiệp của Thành phố.”

7. Sửa đổi Điều 13 như sau:

“Điều 13. Xử lý vi phạm

a) Nghiêm cấm việc ký hợp đồng lao động để làm công việc chuyên môn, nghiệp vụ trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị hành chính. Thời gian hợp đồng lao động có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc để làm công việc chuyên môn, nghiệp vụ trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị hành chính sẽ không được tính để làm căn cứ xếp ngạch, bậc lương phù hợp với vị trí việc làm được tuyển dụng.

b) Cơ quan, đơn vị và cá nhân vi phạm quy định này thì tùy theo mức độ và tính chất vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.”

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký và bãi bỏ các nội dung liên quan đến việc tiếp nhận công chức ngoài biên chế Thành phố về công tác tại cơ quan hành chính, sự nghiệp của Thành phố quy định tại Quyết định số 36/2008/QĐ-UBND ngày 06 tháng 5 năm 2008 và Quyết định số 66/2010/QĐ-UBND ngày 08 tháng 9 năm 2010 của Ủy ban nhân dân Thành phố.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố; Giám đốc Sở Nội vụ; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận-huyện và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Thành Phong**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 15/2016/QĐ-UBND

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 5 năm 2016*

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phân cấp tiếp nhận hồ sơ đăng ký Nội quy lao động  
của người sử dụng lao động sử dụng từ 10 người lao động trở lên  
trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 06 năm 2015;

Căn cứ Bộ luật Lao động ngày 18 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 05/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 01 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số nội dung của Bộ luật Lao động;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 8005/TTr-SLĐTBXH-VL ngày 11 tháng 4 năm 2016 và ý kiến của Giám đốc Sở Tư pháp tại Công văn số 862/STP-VB ngày 01 tháng 3 năm 2016,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Nay phân cấp tiếp nhận hồ sơ đăng ký Nội quy lao động của người sử dụng lao động sử dụng từ 10 người lao động trở lên trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh như sau:

**1.** Phân cấp cho Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tiếp nhận hồ sơ đăng ký Nội quy lao động đối với:

a) Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ là công ty mẹ của tập đoàn kinh tế nhà nước, công ty mẹ của tổng công ty nhà nước, công ty mẹ trong nhóm công ty mẹ - công ty con; Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên độc lập do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ; Công ty cổ phần do nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ;

b) Nhà đầu tư nước ngoài theo quy định của Luật Đầu tư;

c) Văn phòng đại diện hoạt động không sinh lời tại Việt Nam của tổ chức kinh tế, thương mại, tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, khoa học - kỹ thuật, văn hóa, giáo dục, y tế, tư vấn pháp luật nước ngoài;

d) Các cơ quan hành chính nhà nước, các tổ chức, các đơn vị sự nghiệp thuộc sở, ban, ngành, đoàn thể Thành phố có thuê mướn, sử dụng lao động theo hợp đồng lao động; các cơ quan hành chính nhà nước, các tổ chức, các đơn vị sự nghiệp thuộc Trung ương đóng trên địa bàn Thành phố có thuê mướn, sử dụng lao động theo hợp đồng lao động.

**2.** Phân cấp cho Ủy ban nhân dân quận, huyện tiếp nhận hồ sơ đăng ký Nội quy lao động đối với:

a) Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, Công ty cổ phần không thuộc Khoản 1 Điều này, Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, Công ty hợp danh, Doanh nghiệp tư nhân;

b) Các cơ quan hành chính nhà nước, các tổ chức, các đơn vị sự nghiệp thuộc quận, huyện có thuê mướn, sử dụng lao động theo hợp đồng lao động.

c) Hợp tác xã, cá nhân có thuê mướn, sử dụng lao động theo hợp đồng lao động.

**3.** Khi thực hiện việc phân cấp theo Quyết định này, Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện sử dụng con dấu của đơn vị mình.

**4.** Định kỳ vào ngày 08 hàng tháng, Ủy ban nhân dân quận, huyện báo cáo Sở Lao động - Thương binh và Xã hội về tình hình và số lượng người sử dụng lao động đăng ký nội quy lao động để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố về tình hình chấp hành pháp luật lao động, tình hình thực hiện việc phân cấp tiếp nhận hồ sơ đăng ký nội quy lao động của các loại hình doanh nghiệp trên địa bàn Thành phố.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Tư pháp, Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện và Thủ trưởng các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Thị Thu**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 16/2016/QĐ-UBND

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 5 năm 2016*

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Về ban hành Bộ tiêu thức phân công cơ quan thuế  
quản lý đối với doanh nghiệp thành lập mới trên địa bàn  
Thành phố Hồ Chí Minh**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2002;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Luật Quản lý thuế số 78/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế số 21/2012/QH13 ngày 20 tháng 11 năm 2012;

Căn cứ Thông tư số 127/2015/TT-BTC ngày 21 tháng 8 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc cấp mã số doanh nghiệp thành lập mới và phân công cơ quan thuế quản lý đối với doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị quyết số 08/2016/NQ-HĐND ngày 21 tháng 4 năm 2016 của Hội đồng nhân dân Thành phố về ban hành Bộ tiêu thức phân công cơ quan thuế quản lý đối với doanh nghiệp mới thành lập trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Xét đề nghị của Cục Thuế Thành phố tại Công văn số 1622/CT-THNVDT ngày 25 tháng 02 năm 2016 và ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Công văn số 6375/STP-VB ngày 25 tháng 11 năm 2015,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành Bộ tiêu thức phân công cơ quan thuế quản lý đối với doanh nghiệp thành lập mới trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, như sau:



1. Các doanh nghiệp thỏa mãn 01 (một) trong các tiêu thức sau sẽ được phân công cho Cục Thuế Thành phố quản lý:

a) Tiêu thức phân công theo loại hình doanh nghiệp và qui mô vốn điều lệ:

TT	TIÊU THỨC	GHI CHÚ
1	Doanh nghiệp có vốn nhà nước	Doanh nghiệp có vốn nhà nước sẽ do Cục Thuế Thành phố quản lý
2	Doanh nghiệp FDI, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	Doanh nghiệp FDI, đầu tư nước ngoài đầu tư theo Luật Đầu tư sẽ do Cục Thuế Thành phố quản lý (có giấy chứng nhận đầu tư). Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đầu tư theo Luật Doanh nghiệp có vốn góp nước ngoài/tổng vốn từ 30% trở lên sẽ do Cục Thuế Thành phố quản lý
3	Doanh nghiệp dự án BOT, BBT, BT	Do Cục Thuế Thành phố quản lý
4	Doanh nghiệp thuộc Ban quản lý Khu công nghiệp - Khu chế xuất, Khu Công nghệ cao, Khu Công nghiệp Phần mềm Quang Trung quản lý, có địa chỉ trụ sở nằm trong Khu công nghiệp - Khu chế xuất	Do Cục Thuế Thành phố quản lý
5	Qui mô vốn điều lệ	Doanh nghiệp có vốn điều lệ từ 100 tỷ đồng trở lên sẽ do Cục Thuế Thành phố quản lý

b) Tiêu thức phân công theo ngành nghề kinh doanh:

Căn cứ vào ngành nghề kinh doanh chính của doanh nghiệp trên hồ sơ đăng ký doanh nghiệp, nếu ngành nghề kinh doanh chính thuộc danh sách dưới đây thì doanh nghiệp được phân công Cục Thuế Thành phố quản lý.

TT	MÃ NGÀNH	TÊN NGÀNH
1		Khai thác than cứng và than non
2	B0510	Khai thác và thu gom than cứng
3	B0610	Khai thác dầu thô
4	B0620	Khai thác khí đốt tự nhiên
5	B0710	Khai thác quặng sắt
6	B0721	Khai thác quặng uranium và quặng thorium
7	B0722	Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt
8	B0730	Khai thác quặng kim loại quý hiếm
9	D3510	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện
10	D3520	Sản xuất khí đốt, phân phối nhiên liệu khí bằng đường ống
11	H5011	Vận tải hành khách ven biển và viễn dương
12	H5012	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương
13	K6411	Hoạt động ngân hàng trung ương
14	K6419	Hoạt động trung gian tiền tệ khác
15	K6420	Hoạt động công ty nắm giữ tài sản
16	K6430	Hoạt động quỹ tín thác, các quỹ và các tổ chức tài chính khác
17	K6491	Hoạt động cho thuê tài chính
18	K6492	Hoạt động công tín dụng khác
19	K6499	Hoạt động dịch vụ tài chính khác chưa được phân vào đâu (trừ bảo hiểm và bảo hiểm xã hội)
20	K6511	Bảo hiểm nhân thọ
21	K6512	Bảo hiểm phi nhân thọ
22	K6520	Tái bảo hiểm
23	K6530	Bảo hiểm xã hội
24	K6611	Quản lý thị trường tài chính
25	K6612	Môi giới hợp đồng hàng hóa và chứng khoán
26	K6619	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu
27	K6621	Đánh giá rủi ro và thiệt hại
28	K6629	Hoạt động hỗ trợ khác cho bảo hiểm và bảo hiểm xã hội

TT	MÃ NGÀNH	TÊN NGÀNH
29	K6630	Hoạt động quản lý quỹ
30	R9200	Hoạt động xổ số, cá cược và đánh bạc
31	U9900	Hoạt động của các tổ chức và cơ quan quốc tế

c) Doanh nghiệp có hoạt động sản xuất kinh doanh xuất khẩu thường xuyên thuộc đối tượng và các trường hợp được hoàn thuế giá trị gia tăng.

2. Các doanh nghiệp không thỏa mãn các tiêu thức nêu trên sẽ phân công cho Chi cục Thuế quản lý theo địa bàn.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 5 năm 2016 và áp dụng kể từ ngày Thông tư số 127/2015/TT-BTC ngày 21 tháng 8 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc cấp mã số doanh nghiệp thành lập mới và phân công cơ quan thuế quản lý đối với doanh nghiệp có hiệu lực thi hành cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2016.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện và các tổ chức, cá nhân liên quan thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Trần Vĩnh Tuyến**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 17/2016/QĐ-UBND

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 5 năm 2016*

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Quy định mức hỗ trợ thường xuyên và trang bị phương tiện  
phòng cháy và chữa cháy cho lực lượng dân phòng trên địa bàn  
Thành phố Hồ Chí Minh.**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân năm 2004;

Căn cứ Luật Phòng cháy và chữa cháy năm 2001;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy ngày 22 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Căn cứ Thông tư số 56/2014/TT-BCA ngày 12 tháng 11 năm 2014 của Bộ Công an quy định về trang bị phương tiện phòng cháy và chữa cháy cho lực lượng dân phòng, lực lượng phòng cháy và chữa cháy cơ sở, lực lượng phòng cháy và chữa cháy chuyên ngành;

Căn cứ Thông tư 48/2015/TT-BCA ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Công an về quy định trang phục chữa cháy của lực lượng dân phòng, lực lượng phòng cháy và chữa cháy cơ sở, lực lượng phòng cháy và chữa cháy chuyên ngành;

Căn cứ Nghị quyết số 09/2016/NQ-HĐND ngày 21 tháng 4 năm 2016 của Hội đồng nhân dân Thành phố về việc quy định mức hỗ trợ thường xuyên và trang bị phương tiện phòng cháy và chữa cháy cho lực lượng dân phòng trên địa bàn Thành phố;

Xét đề nghị của Liên Sở Tài chính - Cảnh sát Phòng cháy và Chữa cháy Thành phố tại Công văn số 1383/STC-PCCC ngày 03 tháng 3 năm 2016,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Mức hỗ trợ thường xuyên cho Đội trưởng, Đội phó đội dân phòng bằng 25% lương cơ sở/người/tháng.

**Điều 2.** Ban hành danh mục phương tiện phòng cháy và chữa cháy cho một đội dân phòng (theo phụ lục đính kèm).

1. Đối với đội dân phòng đã được trang bị phương tiện phòng cháy và chữa cháy theo định mức bằng hoặc cao hơn danh mục này thì tiếp tục sử dụng cho đến khi hết niên hạn; trường hợp chưa được trang bị hoặc trang bị thấp hơn danh mục nêu trên thì thực hiện mua sắm bổ sung.

2. Giao Ủy ban nhân dân quận - huyện căn cứ đặc điểm địa phương và khả năng bảo đảm ngân sách của địa phương, có thể trang bị thêm các loại phương tiện phòng cháy và chữa cháy cho lực lượng dân phòng như: máy bơm chữa cháy, bộ đàm cầm tay, mặt nạ phòng độc lọc độc, mặt nạ phòng độc cách ly và một số loại phương tiện phòng cháy và chữa cháy cần thiết khác.

3. Giao Ủy ban nhân dân quận - huyện phân công tổ chức, cá nhân quản lý các phương tiện phòng cháy và chữa cháy theo quy định.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 5 năm 2016.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Cảnh sát Phòng cháy và Chữa cháy Thành phố, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Nội vụ, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành Thành phố có liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Lê Văn Khoa**

**PHỤ LỤC**  
**DANH MỤC PHƯƠNG TIỆN PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY**  
**TRANG BỊ CHO MỘT ĐỘI DÂN PHÒNG**

*(Kèm theo Quyết định số: 17/2016/QĐ-UBND ngày 13 tháng 5 năm 2016  
của Ủy ban nhân dân Thành phố)*

STT	DANH MỤC	Đơn vị tính	Số lượng	Niên hạn sử dụng
1.	Khóa mở trụ nước (trang bị cho địa bàn có trụ cấp nước chữa cháy đô thị)	Chiếc	01 chiếc/đội	Hỏng thay thế
2.	Bình bột chữa cháy xách tay loại 8kg	Bình	05 bình/đội	Theo quy định của nhà sản xuất
3.	Bình khí CO <sub>2</sub> chữa cháy xách tay loại 5kg	Bình	05 bình/đội	Theo quy định của nhà sản xuất
4.	Mũ chữa cháy	Chiếc	01 chiếc/người	03 năm
5.	Quần áo chữa cháy	Bộ	01 bộ/người	02 năm
6.	Găng tay chữa cháy	Đôi	01 đôi/người	Hỏng thay thế
7.	Ủng chữa cháy	Đôi	01 đôi/người	Hỏng thay thế
8.	Đèn pin chuyên dụng	Chiếc	02 chiếc/đội	Hỏng thay thế
9.	Câu liêm, bô cào	Chiếc	02 chiếc/đội	Hỏng thay thế
10.	Dây cứu người	Cuộn	02 cuộn/đội	Hỏng thay thế
11.	Hộp sơ cứu (kèm theo các dụng cụ cứu thương)	Hộp	01 hộp/đội	Hỏng thay thế
12.	Thang chữa cháy	Chiếc	01 chiếc/đội	Hỏng thay thế
13.	Loa pin	Chiếc	02 chiếc/đội	Hỏng thay thế
14.	Khẩu trang lọc độc	Chiếc	01 chiếc/người	Hỏng thay thế

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ**

**PHẦN VĂN BẢN KHÁC**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 05/NQ-HĐND

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 4 năm 2016*

**NGHỊ QUYẾT**

**Về bổ sung Quỹ tên đường tại Thành phố Hồ Chí Minh**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH KHÓA VIII**

**KỲ HỌP THỨ 21**

**(Ngày 21 tháng 4 năm 2016)**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 91/2005/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2005 của Chính phủ về việc ban hành Quy chế đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng;

Căn cứ Nghị quyết số 17/2013/NQ-HĐND ngày 13 tháng 8 năm 2013 của Hội đồng nhân dân thành phố về tiêu chí chọn, đưa vào Quỹ tên đường tại Thành phố Hồ Chí Minh;

Xét Tờ trình số 1408/TTr-UBND ngày 30 tháng 3 năm 2016 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc đặt tên cho cầu bắc qua Rạch Chiếc trên đường Vành đai phía Đông thành phố; báo cáo thẩm tra số 204/BC-HĐND ngày 19 tháng 4 năm 2016 của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân Thành phố và ý kiến của các đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố,

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Hội đồng nhân dân Thành phố thống nhất bổ sung tên “Phú Hữu” vào Quỹ tên đường tại Thành phố Hồ Chí Minh.

**Điều 2.** Giao Ủy ban nhân dân Thành phố tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

**Điều 3.** Thường trực, các Ban và đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố giám sát chặt chẽ quá trình tổ chức triển khai thực hiện nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh khóa VIII, kỳ họp thứ 21 thông qua ngày 21 tháng 4 năm 2016./.

**CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Thị Quyết Tâm**



**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 06/NQ-HĐND

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 4 năm 2016*

## **NGHỊ QUYẾT**

**Về đặt tên cho cầu bắc qua sông Rạch Chiếc  
trên đường Vành đai phía Đông thành phố mang tên “Phú Hữu”**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH KHÓA VIII  
KỲ HỌP THỨ 21  
(Ngày 21 tháng 4 năm 2016)**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 91/2005/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2005 của Chính phủ về việc ban hành Quy chế đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng;

Căn cứ Nghị quyết số 17/2013/NQ-HĐND ngày 13 tháng 8 năm 2013 của Hội đồng nhân dân Thành phố về tiêu chí chọn, đưa vào Quỹ tên đường tại Thành phố Hồ Chí Minh;

Xét Tờ trình số 1408/TTr-UBND ngày 30 tháng 3 năm 2016 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc đặt tên cho cầu bắc qua sông Rạch Chiếc trên đường Vành đai phía Đông thành phố; Báo cáo thẩm tra số 204/BC-HĐND ngày 19 tháng 4 năm 2016 của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân Thành phố và ý kiến của các đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố,

### **QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Hội đồng nhân dân Thành phố thống nhất đặt tên cho cầu bắc qua sông Rạch Chiếc trên đường Vành đai phía Đông thành phố mang tên cầu “Phú Hữu”.

**Điều 2.** Giao Ủy ban nhân dân Thành phố tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

**Điều 3.** Thường trực, các Ban và đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố giám sát chặt chẽ quá trình tổ chức triển khai thực hiện nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh khóa VIII, Kỳ họp thứ 21 thông qua ngày 21 tháng 4 năm 2016./.

**CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Thị Quyết Tâm**

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ****ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1854/QĐ-UBND

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 4 năm 2016***QUYẾT ĐỊNH****Ban hành Chương trình hành động về  
thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2016****ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí ngày 26 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Chỉ thị số 21-CT-TW ngày 21 tháng 10 năm 2012 của Ban Bí thư về việc đẩy mạnh thực hành tiết kiệm, chống lãng phí;

Căn cứ Chỉ thị số 30/CT-TTg ngày 26 tháng 11 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường thực hành tiết kiệm, chống lãng phí;

Căn cứ Chỉ thị số 16/CT-TTg ngày 29 tháng 7 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên, vốn, tài sản và lao động tại các doanh nghiệp nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 84/2014/NĐ-CP ngày 08 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí;

Căn cứ Thông tư số 188/2014/TT-BTC ngày 10 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn một số điều của Nghị định số 84/2014/NĐ-CP ngày 08 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí;

Căn cứ Nghị quyết số 98/2015/QH13 ngày 10 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2016;

Căn cứ Quyết định số 235/QĐ-TTg ngày 17 tháng 02 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành chương trình tổng thể của Chính phủ về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2016;

Căn cứ Chỉ thị số 02-CT/TU ngày 04 tháng 12 năm 2015 của Thành ủy về tăng cường lãnh đạo thực hành tiết kiệm, chống lãng phí;

Xét đề nghị của Sở Tài chính tại Công văn số 1947/STC-NS ngày 28 tháng 3 năm 2016 về xây dựng chương trình hành động về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí của Thành phố triển khai công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2016,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình hành động về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2016.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện, Tổng Giám đốc, Giám đốc các Tổng Công ty, Công ty TNHH Một thành viên 100% vốn nhà nước, các đơn vị và cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Lê Văn Khoa**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG  
THỰC HÀNH TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ NĂM 2016**

*(Kèm theo Quyết định số 1854/QĐ-UBND ngày 14 tháng 4 năm 2016  
của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh)*

Năm 2016 là năm có ý nghĩa rất quan trọng, là năm đầu tiên thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh và Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020. Việc xây dựng và thực hiện Chương trình tiết kiệm chống lãng phí năm 2016 được coi là nhiệm vụ trọng tâm, là yếu tố quan trọng góp phần thực hiện thắng lợi Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020 và tạo cơ sở để phấn đấu hoàn thành các mục tiêu của Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2011 - 2020.

Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Chương trình hành động thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2016 như sau:

**A. MỤC TIÊU, YÊU CẦU:**

**I. Mục tiêu:**

- Tiếp tục đẩy mạnh và nâng cao ý thức trách nhiệm về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong việc quản lý, sử dụng các nguồn lực nhà nước, đảm bảo an sinh xã hội trên địa bàn Thành phố; Khai thác có hiệu quả nguồn thu và tăng cường chống thất thu ngân sách nhà nước.

- Các sở, ban, ngành, đoàn thể, Ủy ban nhân dân các quận - huyện, doanh nghiệp nhà nước xây dựng Chương trình hành động về tăng cường thực hành tiết kiệm, chống lãng phí thuộc lĩnh vực và phạm vi quản lý; Đưa thực hành tiết kiệm, chống lãng phí thành nhiệm vụ thường xuyên của các cấp, các ngành và từng cơ quan đơn vị, tổ chức; Đồng thời quán triệt đến cán bộ, công chức, viên chức và công dân nhận thức sâu sắc, có trách nhiệm cao hơn về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

## **II. Yêu cầu:**

- Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí phải thiết thực, có tính khả thi, sát với điều kiện thực tiễn, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ, tích cực hơn; Đồng thời phải đề ra các nhiệm vụ, biện pháp cụ thể, rõ ràng nhằm tăng cường thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong các lĩnh vực thuộc phạm vi được điều chỉnh của Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

- Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí phải bám sát chủ trương, định hướng của Đảng và Nhà nước, gắn với việc thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của ngành, lĩnh vực, phù hợp với yêu cầu cải cách hành chính, bảo đảm hoàn thành nhiệm vụ được giao.

- Triển khai hoàn thiện các cơ chế quản lý mua sắm và trang bị tài sản tại các đơn vị, xây dựng các biện pháp thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong tất cả các lĩnh vực hoạt động, định mức kinh tế kỹ thuật, chế độ quản lý, sử dụng ngân sách, vốn và tài sản nhà nước trong sản xuất kinh doanh.

## **B. NỘI DUNG:**

### **I. Tổ chức học tập, nghiên cứu, quán triệt các văn bản triển khai thực hành tiết kiệm, chống lãng phí:**

1. Các sở, ban, ngành, đoàn thể và Ủy ban nhân dân các quận - huyện, các cơ quan, đơn vị phối hợp với các tổ chức quần chúng có trách nhiệm thường xuyên tổ chức học tập, quán triệt đầy đủ, kịp thời Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và các văn bản liên quan đến công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; tuyên truyền sâu rộng đến từng cán bộ, công chức, viên chức, hội viên nhằm tăng cường hiểu biết pháp luật, nâng cao nhận thức, có những hành động, việc làm cụ thể tạo chuyển biến thực sự trong lề lối làm việc, cải cách hành chính và ý thức thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

2. Sở Thông tin và Truyền thông chỉ đạo các cơ quan Báo chí, Đài Phát thanh truyền hình đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục về pháp luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trên các phương tiện đại chúng với các hình thức thích hợp và có hiệu quả; thường xuyên xây dựng các chương trình, chuyên mục về nêu gương người tốt, việc tốt trong thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; kịp thời phê phán, lên án các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm, gây lãng phí.

## **II. Rà soát, bổ sung, sửa đổi hệ thống định mức, tiêu chuẩn, chế độ làm cơ sở thực hành tiết kiệm chống lãng phí:**

1. Các sở, ban, ngành, đoàn thể và Ủy ban nhân dân các quận - huyện, doanh nghiệp nhà nước thực hiện rà soát các định mức, tiêu chuẩn, chế độ, định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức tiêu hao nguyên nhiên vật liệu, định mức khai thác và sử dụng máy móc, thiết bị, đơn giá tiền lương trong các lĩnh vực quản lý để sửa đổi, bổ sung ban hành theo đúng thẩm quyền; thực hiện nghiêm các định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã được cơ quan có thẩm quyền ban hành; công khai định mức, tiêu chuẩn, chế độ, định mức kinh tế - kỹ thuật... nhằm tạo điều kiện kiểm tra giám sát việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; trong đó tập trung vào các lĩnh vực như: quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước; đầu tư xây dựng cơ bản; quản lý, sử dụng trụ sở làm việc, nhà công vụ, công trình phúc lợi, dịch vụ công cộng và tài sản công khác; khai thác, quản lý, sử dụng tài nguyên thiên nhiên; hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị.

- Các cơ quan, đơn vị thực hiện cơ chế tự chủ về tài chính cần rà soát lại Quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị mình để điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp trên tinh thần tiết kiệm, chống lãng phí.

2. Sở Tài chính căn cứ quy định hiện hành chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan xây dựng định mức phân bổ chi thường xuyên làm cơ sở phân bổ dự toán chi thường xuyên cho các đơn vị, các quận - huyện đảm bảo hợp lý, phù hợp với điều kiện thực tế, khả năng cân đối ngân sách.

## **III. Thực hiện công khai tạo điều kiện kiểm tra, giám sát việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí:**

1. Các sở, ban, ngành, đoàn thể và Ủy ban nhân dân các quận - huyện chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý thực hiện các quy định về công khai minh bạch để tạo điều kiện cho việc kiểm tra, thanh tra, giám sát thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; đồng thời, tăng cường kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về công khai, đưa công tác công khai thành nề nếp trong các cơ quan, đơn vị, tổ chức nhà nước.

2. Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể, Ủy ban nhân dân các quận - huyện và các doanh nghiệp nhà nước phải thực hiện công khai theo đúng quy định của pháp luật, tập trung thực hiện công khai việc sử dụng ngân sách nhà nước và các nguồn tài chính được giao theo quy định tại Quyết định số 192/2004/QĐ-TTg ngày

16 tháng 11 năm 2004 của Thủ tướng Chính phủ và một số văn bản hướng dẫn có liên quan khác nhằm góp phần đảm bảo thực thi quyền giám sát thực hành tiết kiệm, chống lãng phí của công dân; công khai mua sắm, sử dụng trang thiết bị làm việc, phương tiện đi lại; công khai quản lý, sử dụng trụ sở làm việc, nhà công vụ, công trình phúc lợi công cộng và các tài sản khác trong cơ quan, đơn vị, tổ chức. Thực hiện hình thức công khai trên trang thông tin điện tử nhằm nâng cao hiệu quả và tiết kiệm ngân sách.

**3. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố phải tuyên truyền mạnh mẽ để nâng cao hiệu quả hoạt động của thanh tra nhân dân, qua đó phát huy sức mạnh tập thể trong công tác giám sát việc thực hiện thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Đẩy mạnh việc thực hiện giám sát đầu tư cộng đồng qua Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng theo quy định của Thủ tướng Chính phủ; đồng thời tăng cường vai trò của người dân trong việc theo dõi, đánh giá việc chấp hành các quy định về quản lý đầu tư của cơ quan có thẩm quyền quyết định đầu tư. Qua quá trình giám sát nhằm phát hiện, kiến nghị về các việc làm vi phạm các quy định về quản lý đầu tư để kịp thời ngăn chặn và xử lý các việc làm sai quy định, gây lãng phí, thất thoát vốn và tài sản nhà nước.**

#### **IV. Nhiệm vụ, giải pháp cụ thể:**

##### **1. Quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước:**

Các sở, ban, ngành, đoàn thể và Ủy ban nhân dân các quận - huyện tập trung triển khai:

a) Thực hiện nghiêm quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn Luật trong tất cả các khâu: lập, thẩm định, phê duyệt, phân bổ dự toán, quản lý, sử dụng, kiểm soát chi và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước.

- Việc lập, thẩm định, phê duyệt, phân bổ dự toán kinh phí ngân sách nhà nước phải đúng thẩm quyền, trình tự, nội dung, đối tượng và thời gian theo quy định; đúng định mức, tiêu chuẩn, chế độ do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành, đảm bảo công bằng, công khai, minh bạch. Việc lập, thẩm định, xét duyệt quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước phải theo đúng quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

- Người đứng đầu cơ quan, tổ chức sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước có trách nhiệm quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách được giao đúng quy định, tiết kiệm hiệu quả và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực về quyết toán ngân sách



nhà nước của đơn vị mình, cấp mình; thực hiện thẩm định, xét duyệt quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước của cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc theo đúng quy định của pháp luật.

- Thủ trưởng các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện chỉ đạo thực hiện đúng các quy định của Thành ủy, Ủy ban nhân dân Thành phố về cử cán bộ lãnh đạo tham gia các đoàn công tác nước ngoài; đồng thời hạn chế tối đa các đoàn tham quan, khảo sát, học tập kinh nghiệm nước ngoài chưa thực sự cần thiết.

b) Tiếp tục thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính trong các cơ quan hành chính Nhà nước theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2005 và Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2013 về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 130/2005/NĐ-CP của Chính phủ. Đối với đơn vị sự nghiệp công lập, tiếp tục thực hiện cơ chế tự chủ tài chính gắn với tự chịu trách nhiệm theo Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25 tháng 4 năm 2006 và Nghị định 16/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ về quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập. Đồng thời mở rộng và đẩy mạnh thực hiện xã hội hóa đối với các lĩnh vực sự nghiệp.

Các cơ quan, tổ chức căn cứ chức năng, nhiệm vụ, tính chất công việc và nhu cầu thực tế để xây dựng phương án sử dụng các khoản kinh phí cụ thể, thống nhất, công khai minh bạch và giao khoán đến người quản lý, sử dụng trực tiếp.

c) Rà soát các nhiệm vụ khoa học và công nghệ, tập trung bố trí ngân sách nhà nước cho những nhiệm vụ khoa học và công nghệ trọng điểm cần ưu tiên đã được cấp có thẩm quyền tuyển chọn và phê duyệt. Thực hiện cơ chế đấu thầu tuyển chọn cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ. Riêng đối với các đề tài nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ được nhà nước hỗ trợ một phần kinh phí thì thực hiện quản lý theo cơ chế khoán kinh phí đối với phần kinh phí do ngân sách nhà nước cấp.

d) Rà soát, bảo đảm các điều kiện để thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu theo đúng tiến độ quy định và có hiệu quả; tổ chức lồng ghép các chương trình có cùng tính chất, thực hiện trên cùng địa bàn; giảm chi phí quản lý chương trình, chi phí trung gian, tập trung kinh phí chương trình cho đối tượng được thụ hưởng theo quy định.

đ) Các cơ quan, đơn vị, tổ chức điều hành chi ngân sách nhà nước theo dự toán được giao; khi tổ chức hội nghị, tổng kết, lễ kỷ niệm phải kết hợp các nội dung triển khai công việc liên quan để đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả, không phô trương hình thức. Các cơ quan, đơn vị, tổ chức không được sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước để chi quà biếu, quà tặng không đúng chế độ quy định. Đồng thời các cơ quan, đơn vị phải phân đầu thực hiện:

- Tiết kiệm 10% chi thường xuyên (không kể tiền lương và các khoản có tính chất lương) để tạo nguồn cải cách tiền lương.

- Tiết kiệm tối thiểu 12% kinh phí chi hội nghị, hội thảo, tọa đàm; cử cán bộ, công chức, viên chức, đi công tác; tiếp khách, khánh tiết, tổ chức lễ hội lễ kỷ niệm, sử dụng điện, nước, văn phòng phẩm, sách, báo, tạp chí.

- Tiết kiệm tối thiểu 15% chi đoàn ra, đoàn vào. Không bố trí chi đoàn ra trong chi thường xuyên các Chương trình mục tiêu quốc gia. Thực hiện quản lý chặt chẽ đoàn ra, đoàn vào đúng người, đúng mục đích và căn cứ trên dự toán và danh mục đoàn ra, đoàn vào được phê duyệt từ đầu năm của mỗi cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước. Hạn chế tối đa việc bổ sung các đoàn đi công tác nước ngoài không theo danh mục được phê duyệt từ đầu năm; chỉ tiến hành bổ sung khi có nhiệm vụ đột xuất, đặc biệt cần thiết.

e) Việc mua sắm, sửa chữa tài sản, phương tiện đi lại và trang thiết bị làm việc phải đảm bảo đúng mục đích, đối tượng, tiêu chuẩn theo quy định hiện hành của Nhà nước; mua sắm phải phục vụ thiết thực cho công việc. Đồng thời, các cơ quan, đơn vị ban hành quy chế nội bộ về sử dụng phương tiện, thiết bị làm việc; quy định chế độ quản lý, sử dụng phương tiện đi lại với yêu cầu tiết kiệm, chống lãng phí phổ biến đến từng bộ phận, cá nhân sử dụng.

g) Thực hiện nghiêm Chỉ thị số 45-CT-TW ngày 22 tháng 7 năm 2010 của Bộ Chính trị khóa X về tổ chức ngày kỷ niệm, nghi thức trao tặng, đón nhận danh hiệu vinh dự Nhà nước và các hình thức khen thưởng bậc cao; các quy định của Trung ương, Thành ủy trong việc tổ chức các chuyến đi công tác, tham dự các lễ kỷ niệm, đại hội...; thành phần tham dự thiết thực, gọn nhẹ; nội dung họp phải thực sự cần thiết.

h) Việc tổ chức các đoàn đi nghiên cứu kinh nghiệm các nước phải thiết thực, hiệu quả, có mục đích, nội dung, có kế hoạch rõ ràng, bố trí thời gian hợp lý, chi phí

phải tiết kiệm đúng quy định, phải có báo cáo kết quả chuyển đi cho cơ quan có thẩm quyền.

Thực hiện đúng quy định trong 01 năm 01 người đi nước ngoài tối đa 02 lần, trừ trường hợp có nhu cầu công việc thật cần thiết hoặc tham gia đoàn của lãnh đạo Trung ương. Không bố trí hai đồng chí lãnh đạo chủ chốt của một cơ quan, đơn vị cùng tham gia một đoàn công tác nước ngoài. Các đồng chí lãnh đạo chủ chốt của sở - ngành, địa phương, cơ quan, đơn vị không tham gia đoàn của các doanh nghiệp đi nước ngoài hoặc do các doanh nghiệp nước ngoài mời đích danh nếu chưa có sự đồng ý của cấp có thẩm quyền. Các cơ quan đơn vị không được tổ chức các chuyến tham quan, du lịch nước ngoài cho cán bộ bằng ngân sách nhà nước.

## **2. Quản lý đầu tư xây dựng:**

a) Công tác chống lãng phí trong đầu tư xây dựng cơ bản là nội dung trọng tâm yêu cầu tất cả các cấp, các ngành phải thực hiện nghiêm túc và có hiệu quả. Các cơ quan, đơn vị quản lý, phê duyệt, triển khai dự án đầu tư phải thực hiện đúng quy trình, quy chế quản lý đầu tư hiện hành của nhà nước, thực hiện đầu tư có tập trung, không dàn trải để đảm bảo yêu cầu thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; xác định rõ trách nhiệm của mỗi cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân gây lãng phí trong tất cả các khâu của quá trình đầu tư; không phê duyệt các công trình, dự án khi không bố trí đủ nguồn vốn thực hiện. Đồng thời, triển khai các biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả đầu tư công; thực hiện nghiêm quy định của Luật Đầu tư công, Luật xây dựng, các quy định về kế hoạch đầu tư công và quản lý vốn đầu tư. Kiên quyết thu hồi vốn và xử lý kịp thời nghiêm minh đối với các công trình, dự án chậm triển khai, không hiệu quả, phân bổ không đúng đối tượng, sai mục đích. Ưu tiên, sử dụng hợp lý nguồn vốn ngân sách nhà nước để khuyến khích, kêu gọi đầu tư xã hội hóa vào các lĩnh vực xây dựng hạ tầng, phục vụ đời sống an sinh xã hội của Thành phố. Xử lý dứt điểm tình trạng nợ đọng trong xây dựng cơ bản.

b) Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các sở, ban ngành và Ủy ban nhân dân các quận - huyện tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra quản lý và sử dụng nguồn vốn nhà nước để kịp thời phát hiện và xử lý các sai phạm phát sinh; tăng cường công tác giám sát đánh giá các chương trình, dự án sử dụng nguồn đầu tư công; xây dựng cơ chế giám sát cộng đồng để người dân và các tổ chức xã hội, doanh nghiệp có thể tham gia đóng góp ý kiến đối với hoạt động đầu tư công của Thành phố; tiếp tục đổi mới kế hoạch hóa công tác đầu tư xây dựng cơ bản theo

hướng chủ động cân đối các nguồn vốn từ đầu năm, các nguồn vốn được bổ sung trong năm đảm bảo phù hợp với mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội; tiếp tục nghiên cứu, đề xuất cải tiến quy trình, thủ tục thẩm định, thẩm tra dự án để rút ngắn thời gian, đồng thời nâng cao chất lượng công tác khảo sát, thiết kế, giải pháp thi công, thẩm định dự án để phân đầu tiết kiệm từ 10% đến 15% tổng mức đầu tư.

Xây dựng hệ thống tiêu chí đánh giá hiệu quả đầu tư công; phối hợp với Sở Tài chính, Kho bạc Nhà nước và các sở - ngành, quận - huyện thường xuyên rà soát tiến độ thực hiện các dự án, tập trung đẩy nhanh tiến độ giải phóng mặt bằng, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc của các chủ đầu tư trong quá trình thực hiện dự án.

Thực hiện rà soát, sắp xếp danh mục các dự án đầu tư theo thứ tự ưu tiên, bố trí vốn đầu tư tập trung, đảm bảo các công trình được đưa vào sử dụng đúng tiến độ. Tiến hành rà soát cắt giảm 100% các dự án đầu tư không nằm trong quy hoạch, kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt; thu hồi đối với các dự án đã được cấp phép đầu tư nhưng quá thời hạn quy định không triển khai thực hiện theo cam kết hoặc theo giấy phép; cắt giảm tạm dừng các hạn mục công trình chưa thật sự cần thiết hoặc hiệu quả đầu tư thấp. Tăng cường kiểm tra, giám sát tình hình giải ngân, thực hiện điều chuyển vốn giữa các dự án, công trình phù hợp với tiến độ và khả năng hoàn thành.

c) Các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các quận - huyện tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát đối với tất cả các khâu trong quá trình đầu tư, xử lý nghiêm minh các vi phạm về chất lượng và tiến độ công trình; bảo đảm công khai, minh bạch trong đấu thầu thông qua tăng cường đấu thầu rộng rãi, công khai, hạn chế tối đa việc chỉ định thầu các dự án đầu tư. Các chủ đầu tư, ban quản lý dự án phải công khai dự án tại xã, phường, thị trấn để đẩy mạnh sự giám sát của cộng đồng dân cư và các đoàn thể với các dự án trên địa bàn.

d) Tạm ứng, thanh toán vốn đầu tư theo đúng quy định của Nhà nước đảm bảo tiến độ thực hiện dự án và thời hạn giải ngân, sử dụng vốn hiệu quả. Thực hiện nghiêm Chi thị số 27/CT-TTg ngày 27 tháng 12 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường đẩy mạnh công tác quyết toán vốn đầu tư các dự án hoàn thành sử dụng vốn nhà nước.

e) Cắt giảm kinh phí 100% việc tổ chức lễ động thổ, lễ khởi công, khánh thành các công trình xây dựng cơ bản trừ các công trình quan trọng quốc gia; công trình có giá trị lớn, có ý nghĩa quan trọng về kinh tế, chính trị, văn hoá của địa phương.

**3. Quản lý, sử dụng đất đai, trụ sở làm việc, nhà công vụ, tài sản công:**

a) Đất đai, trụ sở làm việc, nhà công vụ giao cho các cơ quan, đơn vị, tổ chức phải được quản lý, sử dụng đúng mục đích, có hiệu quả và bảo đảm thực hành tiết kiệm; thực hiện nâng cao hiệu suất sử dụng nhà công vụ; thu hồi 100% nhà công vụ sử dụng không đúng mục đích, không đúng đối tượng, đối tượng hết hạn, hết thời gian sử dụng nhà công vụ theo quy định.

Các sở, ban ngành, đoàn thể và Ủy ban nhân dân các quận - huyện trong phạm vi quản lý của mình thực hiện việc kiểm tra, rà soát diện tích đất đai, trụ sở làm việc, nhà công vụ đang quản lý để bố trí sử dụng hợp lý, đúng chế độ tiêu chuẩn quy định để đảm bảo thực hành tiết kiệm chống lãng phí đúng theo Chỉ thị số 27/CT-TTg ngày 15 tháng 8 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường công tác quản lý các trụ sở, các cơ sở hoạt động sự nghiệp; đẩy nhanh tiến độ phê duyệt và tổ chức thực hiện phương án sắp xếp, xử lý nhà, đất thuộc sở hữu nhà nước, cương quyết thu hồi diện tích, nhà, đất không sử dụng, cho thuê, cho mượn, liên doanh, liên kết không đúng quy định và trụ sở cũ của các cơ quan, tổ chức, đơn vị đã được đầu tư xây dựng trụ sở mới.

b) Sở Xây dựng chủ trì phối hợp với đơn vị liên quan thực hiện kiểm tra, rà soát diện tích đất đai, trụ sở làm việc, nhà công vụ để bố trí và sử dụng hợp lý, đúng đối tượng, định mức, tiêu chuẩn, chế độ do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành.

c) Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì phối hợp với đơn vị liên quan thực hiện rà soát và xử lý thu hồi các diện tích đất đai, mặt nước sử dụng không đúng quy định của pháp luật; sử dụng đất sai mục đích, sai quy hoạch, sai kế hoạch sử dụng đất, lãng phí, kém hiệu quả, bỏ hoang hóa và đất lấn chiếm trái quy định.

d) Hạn chế mua sắm xe ô tô và trang thiết bị đắt tiền, tổ chức rà soát, sắp xếp lại số xe ô tô hiện có của các cơ quan, tổ chức, đơn vị theo tiêu chuẩn, định mức do Chính phủ quy định tại Quyết định số 32/2015/QĐ-TTg ngày 08 tháng 4 năm 2015; thực hiện xử lý kịp thời số xe ô tô dôi dư (nếu có) theo đúng quy định; từng bước thực hiện khoán xe công đối với một số chức danh theo Nghị quyết số 99/2015/QH13 ngày 11 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội về dự toán ngân sách năm 2016. Thực hiện nghiêm túc việc mua sắm tài sản từ nguồn Ngân sách nhà nước theo các nội dung hướng dẫn tại công văn số 2304/BTC-QLCS ngày 19 tháng 02 năm 2016 của Bộ Tài chính.

#### **4. Quản lý các quỹ tài chính có nguồn từ ngân sách nhà nước:**

- Thực hiện nghiêm việc quản lý các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách theo đúng Chỉ thị số 22/CT-TTg ngày 27 tháng 8 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường công tác quản lý đối với các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách. Đổi mới cơ chế tài chính của các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách từng bước theo mô hình tự đảm bảo chi phí hoạt động.

- Tăng cường giám sát, thanh tra, kiểm tra hoạt động và việc chấp hành pháp luật của các quỹ tài chính ngoài ngân sách nhà nước, bảo đảm nguồn lực tài chính nhà nước được quản lý, sử dụng hiệu quả, công khai, minh bạch.

- Thực hiện nghiêm chế độ báo cáo tài chính hàng năm, trong đó phần kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ phải được tổng hợp đầy đủ trong dự toán và quyết toán hàng năm của các cơ quan, đơn vị; báo cáo tài chính quỹ phải gửi cơ quan tài chính cùng cấp để tổng hợp, theo dõi. Công khai rộng rãi hoạt động của các quỹ tài chính ngoài NSNN theo quy định. Kịp thời phát hiện, kiến nghị xử lý nghiêm minh các vi phạm theo quy định của pháp luật.

#### **5. Quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên, công trình phúc lợi và dịch vụ công cộng:**

a) Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp chặt chẽ với các sở, Ban, ngành, Ủy ban nhân dân các quận huyện tập trung rà soát lại kế hoạch quản lý, khai thác, sử dụng từng loại tài nguyên thiên nhiên, tăng cường các biện pháp quản lý, kiểm tra giám sát để tạo chuyển biến rõ rệt trong công tác quản lý, bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, chú trọng các nguồn tài nguyên khoáng sản, đất đai, tài nguyên nước và các lĩnh vực ảnh hưởng đến môi trường. Tiếp tục rà soát tiến độ và tính phù hợp trong sử dụng đất đối với các dự án khai thác sử dụng nguồn tài nguyên nước; kiên quyết thu hồi hoặc không gia hạn giấy phép đối với những dự án sử dụng đất không đúng mục đích, không tuân thủ quy định về bảo vệ môi trường. Tiếp tục thực hiện cơ chế khoán chi, đấu thầu trong công tác vệ sinh môi trường, công tác quét thu gom, vận chuyển, xử lý rác, thu phí thu gom, vận chuyển, xử lý rác, nhằm nâng cao ý thức cộng đồng bảo vệ môi trường, thu hút mạnh nguồn vốn trong xã hội để giảm một phần chi từ ngân sách.

b) Sở Giao thông vận tải chủ trì phối hợp với các cơ quan được giao quản lý, sử dụng công trình phúc lợi công cộng (công viên, cầu, đường, vệ sinh môi trường,...),

phải có kế hoạch bảo quản, khai thác, tu bổ và sử dụng có hiệu quả; tiếp tục thực hiện cơ chế khoán chi, đấu thầu công tác chăm sóc cây xanh, duy tu giao thông và thực hiện đấu thầu vận chuyển hành khách công cộng để nâng cao chất lượng dịch vụ công, tiết kiệm chi phí, giảm trợ giá.

#### **6. Đào tạo, quản lý, sử dụng lao động và thời gian lao động trong khu vực nhà nước:**

a) Sở Nội vụ chủ trì phối hợp Sở Lao động Thương binh và Xã hội rà soát lại các quy định về đào tạo, quản lý, sử dụng lao động, thời gian lao động trong khu vực nhà nước, tổ chức, doanh nghiệp để sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện; Không để xảy ra tình trạng mất cân đối giữa đào tạo với sử dụng lao động; Tuyển dụng không phù hợp với nhu cầu sử dụng lao động; Sử dụng cán bộ, công chức, viên chức không đúng với chuyên môn, ngành nghề được đào tạo, không phát huy hết năng lực, sở trường; Lãng phí thời gian, nguồn lực lao động; Nâng cao trách nhiệm của Thủ trưởng đơn vị trong việc quản lý cán bộ.

b) Các sở, ban ngành, đoàn thể và Ủy ban nhân dân các quận- huyện phấn đấu tinh giảm biên chế ở mức tối đa trên cơ sở nâng cao hiệu suất, hiệu quả làm việc. Thực hiện nghiêm quy định của Chính phủ về tinh giảm biên chế, chỉ tuyển dụng cán bộ, công chức viên chức mới không quá 50% số biên chế cán bộ, công chức, viên chức đã thực hiện tinh giảm biên chế và không quá 50% số biên chế cán bộ, công chức, viên chức đã giải quyết chế độ nghỉ hưu hoặc thôi việc theo quy định. Giữ ổn định biên chế của các tổ chức xã hội, xã hội - nghề nghiệp đến hết năm 2016.

c) Về chống lãng phí ngày, giờ lao động, sản xuất, kinh doanh trong khu vực nhà nước: Từng cơ quan, đơn vị rà soát, bổ sung quy định về chế độ làm việc, thời gian làm việc, định mức lao động, xác định các vị trí, chức danh công việc, nghiên cứu đánh giá các nguyên nhân dẫn đến lãng phí thời gian lao động do bố trí, phân công không đúng người, đúng việc; Rà soát, bổ sung quy chế, tiêu chuẩn về tuyển dụng lao động, bổ nhiệm cán bộ; Xây dựng kế hoạch sử dụng thời gian lao động, xử lý công việc khoa học, hợp lý, thực hiện cải cách hành chính.

Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác chỉ đạo, điều hành và xử lý công việc.

d) Tăng cường kiểm tra, giám sát thực hiện các quy chế, quy định về thời giờ làm việc, về sử dụng thời gian lao động, về kỷ luật lao động, về chi trả lương,

thường gắn với năng suất lao động, kết quả sản xuất kinh doanh, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm kỷ luật lao động theo quy định của pháp luật.

Xây dựng bộ máy tinh gọn, hoạt động hiệu quả, thường xuyên có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, tuyển dụng, luân chuyển, tạo điều kiện cho lao động, cán bộ công chức phát huy hết khả năng, năng lực, sở trường công tác.

Đảm bảo công khai, dân chủ về tuyển dụng lao động, bổ nhiệm cán bộ; chỉ tuyển dụng thêm lao động, bổ nhiệm cán bộ khi thực sự có nhu cầu.

Các sở, ban, ngành, đoàn thể, Ủy ban nhân dân các quận - huyện có trách nhiệm công khai quy trình, thủ tục, thực hiện cải cách hành chính khi giải quyết công việc liên quan đến tổ chức, công dân; bố trí cán bộ, công chức có năng lực, trình độ chuyên môn đáp ứng yêu cầu công việc nhằm tiết kiệm thời gian cho đơn vị, tổ chức và công dân.

#### **7. Quản lý, sử dụng vốn và tài sản tại công ty TNHH có 100% vốn nhà nước, công ty cổ phần có vốn nhà nước tham gia:**

a) Các công ty TNHH có 100% vốn nhà nước và Công ty cổ phần có vốn nhà nước tham gia căn cứ Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và các quy định của Nhà nước xây dựng, ban hành các quy chế, các định mức, tiêu chuẩn, chế độ quản lý, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực được Nhà nước giao.

Tổng Giám đốc (Giám đốc) các Tổng Công ty, Công ty TNHH một thành viên điều hành đơn vị thực hiện triệt để tiết kiệm năng lượng, vật tư, chi phí đầu vào; ứng dụng công nghệ mới để nâng cao chất lượng, sức cạnh tranh hàng xuất khẩu, tiết kiệm chi phí sản xuất kinh doanh; đăng ký và thực hiện tiết giảm chi phí quản lý (từ 5% trở lên), trong đó, tiết giảm tối đa chi phí quảng cáo, tiếp thị, khuyến mãi, hoa hồng môi giới, chi tiếp tân, khánh tiết, hội nghị, chi chiết khấu thanh toán, chi phí năng lượng. Tập trung vốn đầu tư vào ngành nghề sản xuất kinh doanh chính. Rà soát các quyết định đầu tư, góp vốn mở rộng kinh doanh phải phù hợp với ngành nghề kinh doanh chính của doanh nghiệp; không đầu tư dàn trải gây lãng phí, thất thoát vốn của Nhà nước. Xây dựng hệ thống quản trị doanh nghiệp phù hợp với cơ chế thị trường và thông lệ quốc tế. Tiếp tục đẩy mạnh quá trình sắp xếp cổ phần hoá, thực hiện tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước theo đề án tái cơ cấu được Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt.



b) Thực hiện kiểm toán bắt buộc và công khai tài chính trong các doanh nghiệp nhà nước; phát hiện kịp thời, xử lý theo đúng quy định của pháp luật đối với các hành vi gây lãng phí vốn, tài sản, lao động, tài nguyên thiên nhiên.

c) Sở Tài chính phối hợp các sở, ban ngành chức năng tăng cường giám sát đối với các doanh nghiệp nhà nước trong việc quản lý, sử dụng các nguồn lực nhà nước giao; giám sát việc thực hiện trách nhiệm của đại diện chủ sở hữu tại các công ty nhà nước trong quá trình đầu tư, bảo lãnh tiền vay, phê duyệt chủ trương mua, bán, vay, cho vay, thuê và cho thuê thuộc thẩm quyền theo quy định của Nhà nước; giám sát việc ký kết và thực hiện các hợp đồng kinh tế trong đầu tư xây dựng, sản xuất - kinh doanh và chi phí quản lý doanh nghiệp.

### **8. Đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng của nhân dân:**

a) Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các quận - huyện thực hiện:

- Thường xuyên tuyên truyền, phổ biến sâu rộng trong các tầng lớp nhân dân, cán bộ, công chức, viên chức về ý thức thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong sản xuất và tiêu dùng, dành nguồn lực đầu tư vào sản xuất, kinh doanh. Tiếp tục thực hiện cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”.

- Triển khai cuộc vận động thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong các đoàn thể, tổ chức quần chúng: vận động sâu rộng đến từng khu phố, khu dân cư tập trung thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, sinh nhật...lễ hội theo hướng lành mạnh, tiết kiệm, chống phô trương, hình thức, xa hoa, lãng phí, phiền nhiễu, bài trừ thủ tục, mê tín dị đoan; chống lợi dụng tiệc cưới, sinh nhật để vụ lợi; chống thương mại hóa lễ hội. Cán bộ lãnh đạo, quản lý, đảng viên các cơ quan, đơn vị phải gương mẫu chấp hành các quy định của Đảng và pháp luật nhà nước, hiện hành về việc cưới, việc tang, lễ hội, xem việc gương mẫu thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội là tiêu chuẩn đánh giá cán bộ, phân loại, phân tích chất lượng tổ chức cơ sở đảng, đảng viên và bình xét thi đua hàng năm của từng cấp chính quyền, mặt trận, đoàn thể, từng cán bộ, công chức, đoàn viên, hội viên; đồng thời phê bình, xử lý nghiêm minh, kịp thời đối với cán bộ, đảng viên vi phạm.

b) Tuyên truyền vận động quần chúng, nhân dân thực hiện tiết kiệm điện, nước, nhiên liệu trong sinh hoạt hằng ngày và trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh. Sở Văn hóa và Thể thao hướng dẫn việc triển khai Thông tư số 04/2011/TT-BVHTTDL ngày 21 tháng 01 năm 2011 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy

định về việc thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội; Phối hợp với các cơ quan thông tin đại chúng biểu dương kịp thời các gương tốt và tạo dư luận xã hội; lên án, phê phán các hành vi vi phạm quy chế của Nhà nước về việc cưới, việc tang và lễ hội. Gắn cuộc vận động “Toàn dân xây dựng đời sống văn hóa khu dân cư” trong giai đoạn mới với việc thực hiện thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong sinh hoạt của nhân dân.

c) Sở Công thương thường xuyên tuyên truyền, phổ biến và tiếp tục triển khai công tác tiết kiệm điện đến cơ quan, đơn vị, các tầng lớp nhân dân, cán bộ, công chức, viên chức.

#### **V. Kiểm tra, thanh tra, xử lý vi phạm quy định về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí:**

1. Thanh tra Thành phố xây dựng kế hoạch và tập trung tổ chức kiểm tra, thanh tra một số nội dung, lĩnh vực, công trình trọng điểm theo chủ trương của Trung ương và của thành phố nhằm đảm bảo thực hiện đúng các chế độ quy định và thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, cụ thể cần tập trung vào các lĩnh vực sau:

a) Quản lý, sử dụng đất đai; tài nguyên thiên nhiên;

b) Các dự án đầu tư sử dụng ngân sách nhà nước hoặc có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước;

c) Quản lý, sử dụng trụ sở làm việc, nhà công vụ, công trình phúc lợi và dịch vụ công cộng;

d) Các Chương trình mục tiêu quốc gia;

đ) Quản lý, sử dụng các nguồn viện trợ, tài trợ của nước ngoài;

h) Mua sắm, trang bị, quản lý, sử dụng phương tiện đi lại; trang thiết bị làm việc; trang thiết bị y tế, thuốc phòng bệnh, chữa bệnh phục vụ hoạt động của các cơ sở y tế do ngân sách nhà nước cấp kinh phí.

Thanh tra Thành phố tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố kết quả thanh tra việc thực hiện thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

2. Thủ trưởng các đơn vị chủ động xây dựng kế hoạch kiểm tra, tự kiểm tra tại các đơn vị mình và chỉ đạo công tác kiểm tra, tự kiểm tra tại đơn vị cấp dưới trực thuộc. Đối với những vi phạm được phát hiện trong công tác kiểm tra, thủ trưởng đơn vị phải khắc phục, xử lý hoặc đề xuất kiến nghị các cơ quan có thẩm quyền có

biện pháp xử lý. Cá nhân, tập thể có thành tích sẽ được khen thưởng theo quy định hiện hành của nhà nước.

3. Các sở, ban ngành, đoàn thể, Ủy ban nhân dân các quận - huyện chỉ đạo các đơn vị trong phạm vi, lĩnh vực quản lý của mình xử lý dứt điểm các vi phạm trong thực hành tiết kiệm, chống lãng phí đã phát hiện qua kiểm tra, thanh tra những năm qua. Kịp thời xử lý vi phạm theo đúng quy định của pháp luật; công bố công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng đối với cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm, gây lãng phí ngân sách nhà nước, tiền, tài sản nhà nước, lao động, thời gian lao động, tài nguyên thiên nhiên và việc xử lý các hành vi vi phạm đó; quy định trách nhiệm về bồi thường thiệt hại, xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính trong thực hành tiết kiệm, chống lãng phí theo quy định của pháp luật.

#### **VI. Tăng cường thực hiện cải cách thủ tục hành chính làm cơ sở cho việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí:**

Thủ trưởng các sở, ban ngành, đoàn thể, Ủy ban nhân dân các quận - huyện nghiêm túc thực hiện cải cách thủ tục hành chính làm cơ sở cho việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí cụ thể:

- Tiếp tục thực hiện chương trình cải cách thủ tục hành chính, trong đó tập trung vào các lĩnh vực: quản lý đất đai, nhà ở; xây dựng cơ bản; đăng ký kinh doanh; xét duyệt dự án; xuất, nhập khẩu; thuế; hải quan; bảo hiểm, chính sách xã hội.

- Đối với các lĩnh vực thường xuyên phải tiếp xúc và xử lý công việc với người dân và doanh nghiệp: Thực hiện hệ thống hóa những quy định về thủ tục, giấy tờ, thời hạn giải quyết đối với từng loại công việc. Công bố công khai trên báo, đài địa phương, trang thông tin điện tử, tại trụ sở cơ quan, đơn vị để làm căn cứ cho nhân dân thực hiện và giám sát thực hiện.

- Chủ động phối hợp với các cơ quan liên quan rà soát lại bộ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của đơn vị mình, kịp thời chuyển tải thông tin tới người dân và doanh nghiệp về cơ chế tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức và công khai địa chỉ email, số điện thoại của cơ quan đơn vị để người dân, doanh nghiệp biết khi cần liên hệ và giải quyết công việc được thuận tiện.

#### **C. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

1. Thủ trưởng các sở, ban ngành, đoàn thể, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện căn cứ Chương trình hành động thực hành tiết kiệm, chống lãng phí này, Kế

hoạch phát triển kinh tế - xã hội hàng năm, các văn bản chỉ đạo của Thành ủy, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân Thành phố thực hiện xây dựng Chương trình hành động thực hành tiết kiệm, chống lãng phí của ngành mình, cấp mình.

2. Các sở, ban ngành, đoàn thể, Ủy ban nhân dân các quận - huyện các Doanh nghiệp nhà nước nắm giữ 100% vốn nhà nước thực hiện chế độ báo cáo theo Đề cương và biểu mẫu quy định tại Thông tư số 188/2014/TT-BTC ngày 10 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính) gửi Sở Tài chính trước **ngày 05 tháng 02** hàng năm để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố, Bộ Tài chính đúng thời gian quy định.

3. Giao Sở Tài chính phối hợp với các cơ quan liên quan kiểm tra, đôn đốc thực hiện Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2016 của Ủy ban nhân dân Thành phố và tổng hợp kết quả thực hiện, thay mặt Ủy ban nhân dân Thành phố báo cáo Bộ Tài chính theo quy định.

4. Trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện nếu có vướng mắc, các sở, ban, ngành, đoàn thể, Ủy ban nhân dân các quận - huyện tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Lê Văn Khoa**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1986/QĐ-UBND

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 4 năm 2016*

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Về duyệt đồ án quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu hỗn hợp  
tại khu đất số 678 đường Âu Cơ, Phường 14, quận Tân Bình**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Quyết định số 21/2005/QĐ-BXD ngày 22 tháng 7 năm 2005 của Bộ Xây dựng về ban hành hệ thống ký hiệu bản vẽ trong các đồ án quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 02/2010/TT-BXD ngày 05 tháng 02 năm 2010 của Bộ Xây dựng ban hành Quy chuẩn Việt Nam QCVN 07:2010/BXD: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị;

Căn cứ Thông tư số 10/2010/TT-BXD ngày 11 tháng 8 năm 2010 của Bộ Xây dựng quy định hồ sơ của từng loại quy hoạch đô thị;

Căn cứ Thông tư số 01/2011/TT-BXD ngày 27 tháng 01 năm 2011 của Bộ Xây dựng hướng dẫn đánh giá môi trường chiến lược trong đồ án quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị;

Căn cứ Thông tư số 12/2012/TT-BXD ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ Xây dựng ban hành QCVN 03:2012/BXD (Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nguyên tắc phân loại, phân cấp công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật đô thị);

Căn cứ Quyết định số 50/2011/QĐ-UBND ngày 12 tháng 7 năm 2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố về lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch đô thị trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 62/2012/QĐ-UBND ngày 25 tháng 12 năm 2012 của Ủy ban nhân dân Thành phố về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 50/2011/QĐ-UBND ngày 12 tháng 7 năm 2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố về lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch đô thị trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định 28/2011/QĐ-UBND ngày 19 tháng 5 năm 2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố Ban hành Quy định về điều chỉnh quy hoạch đô thị tại Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Công văn số 2237/UBND-ĐTMT ngày 23 tháng 4 năm 2015 của Ủy ban nhân dân Thành phố về chỉ tiêu quy hoạch - kiến trúc dự án của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy Sản Sài Gòn tại Phường 14, quận Tân Bình;

Căn cứ Quyết định số 757/QĐ-UBND ngày 25 tháng 02 năm 2016 của Ủy ban nhân dân Thành phố về duyệt điều chỉnh cục bộ đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị (quy hoạch phân khu) tỷ lệ 1/2000 khu dân cư Phường 14, quận Tân Bình (khu đất ký hiệu số 8 và 32 thuộc phân khu I);

Căn cứ Quyết định số 759/QĐ-UBND ngày 26 tháng 02 năm 2016 của Ủy ban nhân dân Thành phố về duyệt nhiệm vụ quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu hỗn hợp tại khu đất số 678 đường Âu Cơ, Phường 14, quận Tân Bình;

Xét đề nghị của Sở Quy hoạch - Kiến trúc tại Tờ trình số 1184/TTr-SQHKT ngày 06 tháng 4 năm 2016 về trình duyệt đồ án quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu hỗn hợp tại khu đất số 678 đường Âu Cơ, Phường 14, quận Tân Bình,

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Duyệt đồ án quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu hỗn hợp tại khu đất số 678 đường Âu Cơ, Phường 14, quận Tân Bình, với các nội dung chính như sau:

### **1. Địa điểm, vị trí, ranh giới và diện tích khu vực quy hoạch:**

- Địa điểm: thuộc Phường 14, quận Tân Bình.

- Vị trí: nhằm các thửa đất số 1 - 75, 94 và một phần đường, tờ bản đồ thứ 93, Bộ địa chính Phường 14, quận Tân Bình; theo bản đồ hiện trạng vị trí tỷ lệ 1/500 số 140/HĐĐĐ-HVN/2013 do Công ty TNHH Dịch vụ-Thương mại-Đo đạc bản đồ Hải Vân Nam lập ngày 06 tháng 01 năm 2013.

- Ranh giới khu đất giáp ranh tứ cận:

- + Phía Đông giáp: đường Đồng Đen lộ giới 30m.
- + Phía Tây giáp : đường Âu Cơ lộ giới 30m.
- + Phía Nam giáp : đường Vành đai 1 lộ giới 32m.
- + Phía Bắc giáp : đường Bàu Cát 9 lộ giới 12m.
- Diện tích khu đất (đã trừ lộ giới các đường theo quy hoạch): 29.702,6 m<sup>2</sup>.
- Tính chất khu vực quy hoạch: khu chung cư cao tầng kết hợp thương mại, dịch vụ và trường trung học phổ thông.

### **2. Cơ quan tổ chức lập quy hoạch chi tiết:**

Ủy ban nhân dân quận Tân Bình.

### **3. Đơn vị tư vấn lập đồ án quy hoạch chi tiết:**

Công ty Cổ phần Thanh Niên.

### **4. Danh mục hồ sơ, bản vẽ đồ án quy hoạch chi tiết:**

- Thuyết minh tổng hợp.
- Thành phần bản vẽ gồm:
  - + Sơ đồ vị trí và giới hạn khu đất, tỷ lệ 1/2.000.
  - + Bản đồ hiện trạng kiến trúc cảnh quan và đánh giá đất xây dựng, tỷ lệ 1/500.
  - + Bản đồ quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất, tỷ lệ 1/500.
  - + Sơ đồ tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan, tỷ lệ 1/500.
  - + Bản vẽ mặt đứng các trục đường chính tỷ lệ 1/500.
  - + Bản đồ quy hoạch giao thông, chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng tỷ lệ 1/500.
  - + Bản đồ hiện trạng cao độ nền và cấp thoát nước.
  - + Bản đồ hiện trạng hệ thống cấp điện - thông tin liên lạc.
  - + Bản đồ hiện trạng hệ thống cấp nước.
  - + Bản đồ hiện trạng môi trường.
  - + Bản đồ quy hoạch cao độ nền và thoát nước mặt đô thị.
  - + Bản đồ quy hoạch cấp điện và chiếu sáng đô thị.
  - + Bản đồ quy hoạch cấp nước đô thị.
  - + Bản đồ quy hoạch thoát nước thải và xử lý chất thải rắn đô thị.

- + Bản đồ quy hoạch hệ thống thông tin liên lạc.
- + Bản đồ đánh giá môi trường chiến lược.
- + Bản đồ tổng hợp đường dây, đường ống kỹ thuật.

**5. Dự báo quy mô dân số, cơ cấu sử dụng đất, các chỉ tiêu sử dụng đất quy hoạch đô thị, hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật đô thị toàn khu vực quy hoạch:**

**5.1. Dự báo quy mô dân số:** 4.200 người.

**5.2. Cơ cấu sử dụng đất trong khu vực quy hoạch:**

STT	Thành phần	Chỉ tiêu	
		Diện tích (m <sup>2</sup> )	tỷ lệ (%)
I	Diện tích khu đất lập quy hoạch sau khi trừ diện tích đất giao thông đơn vị ở	29.702,6	100
1	Đất xây dựng trường trung học phổ thông	7.439	25
2	Đất nhóm ở chung cư (xây dựng chung cư cao tầng kết hợp thương mại, dịch vụ)	22.263,6	75

**5.3. Các chỉ tiêu sử dụng đất quy hoạch đô thị, hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật đô thị trong khu vực quy hoạch:**

STT	Thành phần	Đơn vị tính	Chỉ tiêu
I	Các chỉ tiêu sử dụng đất quy hoạch đô thị		
01	Chỉ tiêu sử dụng đất nhóm ở cư cao tầng (đã quy đổi diện tích mỗi loại chức năng theo QCVN 01:2008)	m <sup>2</sup> /người	4,6
02	Chỉ tiêu sử dụng đất công viên cây xanh nhóm ở	m <sup>2</sup> /người	1,4
03	Chỉ tiêu sử dụng đất trường trung học phổ thông	m <sup>2</sup> / học sinh	6
II	Các chỉ hạ tầng kỹ thuật đô thị		
01	Chỉ tiêu cấp điện thương mại, dịch vụ	30 W/m <sup>2</sup>	30
	Chỉ tiêu cấp điện sinh hoạt	Kw/hộ	3 - 5
02	Chỉ tiêu phát triển điện thoại cố định	thuê bao/căn hộ	1
03	Chỉ tiêu cấp nước thương mại, dịch vụ	lít/m <sup>2</sup>	2



	Chỉ tiêu cấp nước sinh hoạt	lít/người/ngày.đêm	180
04	Chỉ tiêu thoát nước	lít/người/ngày.đêm	180
05	Chỉ tiêu chất thải rắn	Kg/người/ngày.đêm	1,3
III	Chỉ tiêu quy hoạch - kiến trúc toàn khu		
1	Mật độ xây dựng toàn khu	%	47
2	Hệ số sử dụng đất toàn khu	lần	5,8
3	Tầng cao xây dựng (theo QCVN 03:2012/BXD)		
	Tối thiểu	tầng	5
	Tối đa	tầng	29

### 6. Quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất:

- Khu cây xanh được bố trí tập trung ngay chính giữa lõi vào trung tâm của dự án, đảm bảo phục vụ tốt nhất cho cư dân trong khu vực.

- Khu chung cư cao tầng: gồm các đơn nguyên, bố trí bao quanh khu cây xanh, có đường nội bộ tiếp cận đến từng đơn nguyên.

- Khu thương mại, dịch vụ: gồm các tầng khối đế khu chung cư, có hướng tiếp cận riêng bằng đường nội bộ. Khu nhà trẻ mẫu giáo tiếp cận qua đường nội bộ có sân chơi đảm bảo quy định hiện hành.

- Khu trường trung học phổ thông xã hội hóa sẽ được bố trí tập trung tại khu vực góc đường Âu Cơ và đường Bàu Cát 9 nhằm đảm bảo vị trí tiện lợi nhất, phục vụ tối đa nhu cầu học tập của khu vực Tân Bình và Tân Phú.

#### 6.1. Khu chung cư cao tầng kết hợp thương mại, dịch vụ: ký hiệu A, B, C, D.

- Tổng diện tích đất nhóm ở chung cư (chung cư kết hợp thương mại, dịch vụ): 22.263,6 m<sup>2</sup> chiếm tỷ lệ 100%. Trong đó:

+ Đất xây dựng công trình : 10.236,00 m<sup>2</sup> chiếm tỷ lệ 45,98 %.

+ Đất công viên cây xanh : 5.900,00 m<sup>2</sup> chiếm tỷ lệ 26,50 %.

+ Đất giao thông, sân bãi : 6.127.60 m<sup>2</sup> chiếm tỷ lệ 27,52 %.

- Quy mô dân số : 4.200 người.

- Mật độ xây dựng : khối đế 45,98 %, khối tháp 24 %.

- Chiều cao - tầng cao xây dựng công trình: 97,8 mét.
- Hệ số sử dụng đất: 6,9 lần. Trong đó:
  - + Chức năng ở: 6,02 lần.
  - + Chức năng thương mại, dịch vụ: 0,88 lần.
- Khoảng lùi xây dựng công trình:
  - + So với ranh lộ giới đường Đồng Đen: tối thiểu 10m.
  - + So với ranh lộ giới đường Âu Cơ và vòng xoay (giao lộ đường Âu Cơ và đường Vành đai 1): tối thiểu 6m.
  - + So với ranh lộ giới đường Vành đai 1 và đường Bà Cát 9: tối thiểu 6m.
  - + So với ranh đất phía Tây (giáp ranh khu đất trường trung học phổ thông): tối thiểu 6,4m.
  - + So với ranh đất phía Bắc (giáp ranh khu đất trường trung học phổ thông): khối để tối thiểu 3,5m.

\* Lưu ý: tại tầng 1 (trệt) và tầng 2 (lầu 1) chung cư cần bố trí nhà trẻ, phục vụ dân cư của dự án và phải đảm bảo diện tích sân chơi ngoài trời và các quy định an toàn về môi trường và phù hợp Quy chuẩn Xây dựng Việt Nam số 01: 2008, phù hợp Tiêu chuẩn thiết kế và các quy định có liên quan hiện hành.

## **6.2. Khu trường trung học phổ thông: ký hiệu TH.**

- Tổng diện tích : 7.439,0 m<sup>2</sup>.
- Mật độ xây dựng tối đa : 50 %.
- Tầng cao xây dựng tối đa : 05 tầng (số tầng tính theo QCVN03:2012/BXD).  
Chiều cao xây dựng tối đa : 20 mét (tính từ cốt vỉa hè ổn định của đường Âu Cơ tiếp giáp lô đất đến đỉnh mái công trình).
- Hệ số sử dụng đất tối đa : 2,5 lần.
- Khoảng lùi xây dựng công trình:
  - + So với ranh lộ giới đường Bà Cát 9 : tối thiểu 17,2m.
  - + So với ranh lộ giới đường Âu Cơ : tối thiểu 12,4m.
  - + So với ranh đất phía Đông và phía Nam (giáp ranh khu đất hỗn hợp): tối thiểu 8m.

## **7. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật:**

### **7.1. Quy hoạch giao thông:**

- Tổng diện tích đất giao thông, sân bãi toàn khu: 7.689,6 m<sup>2</sup>. Trong đó:
  - + Diện tích đất giao thông, sân bãi trường trung học phổ thông: 1.562,0 m<sup>2</sup>.
  - + Diện tích đất giao thông, sân bãi khu nhóm ở chung cư: 6.127,6 m<sup>2</sup>.

### **7.2. Quy hoạch chuẩn bị kỹ thuật:**

#### **7.2.1. Quy hoạch cao độ nền và thoát nước mặt**

##### **a) Quy hoạch cao độ nền:**

- Cao độ xây dựng toàn khu vực  $H_{xd} \geq 4,37m$  (hệ VN2000).
- Áp dụng giải pháp san đắp cục bộ và hoàn thiện mặt phủ đến cao độ thiết kế khi xây dựng công trình trong khu vực.
  - Độ dốc nền thiết kế: khu công trình công cộng, khu ở  $\geq 0,4\%$ ; khu công viên cây xanh  $\geq 0,3\%$ .
  - Cao độ thiết kế tại các điểm giao cắt đường được xác định đảm bảo điều kiện kỹ thuật tổ chức giao thông và thoát nước mặt cho khu đất, đồng thời phù hợp với khu vực xung quanh.
  - Hướng đổ dốc: hướng dốc từ giữa các tiểu khu ra xung quanh.

##### **b) Quy hoạch thoát nước mặt:**

- Sử dụng hệ thống cống ngầm bê tông cốt thép để tổ chức thoát nước mưa.  
Nguồn thoát nước: tập trung theo các tuyến cống chính, đổ về cống thoát nước trên đường Đồng Đen và đường Âu Cơ.
  - Cống thoát nước mưa quy hoạch đặt ngầm, bố trí dọc theo vỉa hè các trục đường giao thông trong khu vực.
    - Nối cống theo nguyên tắc ngang đỉnh, độ sâu chôn cống tối thiểu 0,70m; độ dốc cống tối thiểu được lấy đảm bảo khả năng tự làm sạch cống  $i = 1/D$ .

#### **7.2.2. Quy hoạch cấp điện và chiếu sáng đô thị:**

- Nguồn điện: được cấp từ trạm 110/15-22KV Bà Quẹo.
- Chỉ tiêu cấp điện: 3 - 5 KW/căn hộ.

- Xây dựng mới các trạm biến áp 15-22/0,4KV, kiểu trạm phòng, công suất đơn vị  $\geq 630\text{KVA}$ .

- Mạng lưới cấp điện:

+ Xây dựng mới mạng trung hạ thế, sử dụng cáp đồng bọc cách điện, định hướng xây dựng ngầm.

+ Hệ thống chiếu sáng các trục đường, dùng đèn cao áp sodium, có chóa và cần đèn đặt trên trụ thép tráng kẽm.

### **7.2.3. Quy hoạch cấp nước:**

- Nguồn cấp nước: sử dụng nguồn cấp nước máy Thành phố dựa vào tuyến ống cấp nước hiện trạng  $\varnothing 350$  trên đường Âu Cơ,  $\varnothing 150$  trên đường Bầu Cát 9,  $\varnothing 300$  trên đường Vành đai từ nhà máy nước Thủ Đức.

- Tiêu chuẩn cấp nước sinh hoạt: 180 lít/người/ngày.

- Tổng nhu cầu dùng nước: 1.015 - 1.218 m<sup>3</sup>/ngày.

- Hệ thống cấp nước chữa cháy: dựa vào hệ thống cấp nước chính của khu quy hoạch mạng dịch vụ bố trí mới các trụ lấy nước chữa cháy tại ngã 3, ngã 4 đường với khoảng cách giữa các trụ chữa cháy là 150m.

- Mạng lưới cấp nước: xây dựng mạng lưới cấp nước trên các trục đường chính quy hoạch tạo thành mạch vòng, mạch nhánh cung cấp nước đến từng khu vực sử dụng.

### **7.2.4. Quy hoạch thoát nước thải và xử lý chất thải rắn:**

#### **a) Thoát nước thải:**

- Giải pháp thoát nước thải:

+ Giai đoạn đầu: xây dựng hệ thống thoát nước thải riêng. Nước thải được thu gom và đưa về các trạm xử lý cục bộ đặt trong khu quy hoạch  $Q_1 = 1000 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$  (đối với khu chung cư, thương mại) và  $Q_2 = 50 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$  (đối với khu trường học), sau xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT.

+ Giai đoạn dài hạn: nước thải được dẫn về nhà máy nước thải khu vực, sau xử lý đạt TCVN 7222:2002.

- Tiêu chuẩn thoát nước: 180 lít/người/ngày.

- Tổng lưu lượng nước thải: 890 - 1.068 m<sup>3</sup>/ngày.

- Mạng lưới thoát nước: hệ thống thoát nước thải trong khu vực có đường kính Ø300 đi trên các trục đường chính khu quy hoạch hướng về trạm xử lý theo khu quy hoạch. Độ sâu đặt cống tối thiểu là 0,7m tính từ mặt đất đến đỉnh cống.

**b) Xử lý chất thải rắn:**

- Tiêu chuẩn chất thải rắn: 1,3 kg/người/ngày.

- Tổng lượng chất thải rắn: 2,34 tấn/ngày.

- Phương án thu gom và xử lý chất thải rắn: chất thải rắn thải được thu gom và đưa đến trạm ép kín, sau đó vận chuyển về khu liên hợp xử lý chất thải rắn Thành phố.

**7.2.5. Quy hoạch thông tin liên lạc**

- Chỉ tiêu điện thoại cố định: 1 - 1,5 thuê bao/căn hộ.

- Định hướng đầu nối từ đài điện thoại hiện hữu (đài điện thoại Bàu Cát) xây dựng tuyến cáp chính đi dọc các trục đường giao thông đến các tủ cáp chính của khu quy hoạch.

- Mạng lưới thông tin liên lạc được ngầm hóa đảm bảo mỹ quan khu quy hoạch và đáp ứng nhu cầu thông tin thông suốt trong khu quy hoạch.

- Hệ thống các tủ cáp xây dựng mới được lắp đặt tại các vị trí thuận tiện, đảm bảo mỹ quan và dễ dàng trong công tác vận hành, sửa chữa.

**7.2.6. Đánh giá môi trường chiến lược:**

- Bố trí cây xanh - mặt nước được bố trí xen vào trung tâm của dự án để tăng bề mặt thông thoáng và cây xanh bố trí dọc các trục đường để giảm tác động của nắng, gió.

- Quy hoạch hợp lý các hệ thống hạ tầng kỹ thuật, đặc biệt là đối với các quy hoạch giao thông, san lấp nền và cấp, thoát nước đều có tính đến việc thích ứng với điều kiện biến đổi khí hậu.

- Kiểm soát ô nhiễm nước thải: bố trí trạm xử lý nước thải cục bộ của khu trường học, khu chung cư và thương mại dịch vụ, nước thải sau xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT.

- Giảm thiểu ô nhiễm từ chất thải rắn: phòng ngừa và giảm thiểu phát sinh chất thải rắn, thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn, tăng cường tái sử dụng, tái chế chất thải rắn.

- Thực hiện các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm không khí: kiểm soát ô nhiễm trong quá trình xây dựng và hoạt động của các dự án trong khu vực quy hoạch.

#### **7.2.7. Bản đồ tổng hợp đường dây đường ống:**

Mạng lưới đường dây, đường ống có thể thay đổi và bố trí cụ thể hơn trong các bước thiết kế chi tiết tiếp theo và phải tuân thủ yêu cầu kỹ thuật theo quy định. Tuy nhiên, cần lưu ý đảm bảo khoảng cách tối thiểu giữa các đường dây đường ống hạ tầng kỹ thuật theo quy định tại Quy chuẩn QCVN 01:2008/BXD.

#### **8. Các điểm lưu ý quan trọng khác:**

- Đơn vị tư vấn lập đồ án quy hoạch này chịu trách nhiệm về tính chính xác trong việc định vị hệ thống giao thông đã được thể hiện trong các bản vẽ của đồ án, đảm bảo kết nối với hệ thống giao thông các dự án đầu tư xây dựng kế cận, đúng theo quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 kế cận tại khu vực. Trong quá trình tổ chức định vị, xác định cột mốc tại hiện trường khu đất, nếu hệ thống giao thông có sai lệch vị trí điểm nối kết với các dự án đầu tư xây dựng kế cận hoặc sai lệch hướng tuyến theo quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 kế cận, Đơn vị tư vấn lập đồ án quy hoạch này cần báo cáo Ủy ban nhân dân quận Tân Bình phối hợp Sở Giao thông vận tải, Sở Quy hoạch - Kiến trúc để có giải pháp xử lý, điều chỉnh đồ án cho phù hợp trước khi triển khai thi công hệ thống hạ tầng kỹ thuật.

- Về kiến trúc - cảnh quan: công trình thiết kế cần hài hòa với không gian, kiến trúc cảnh quan xung quanh và đảm bảo kết nối về hạ tầng kỹ thuật với các khu đất lân cận.

- Về phòng cháy chữa cháy và môi trường: cần đảm bảo thực hiện theo quy định về phòng cháy chữa cháy của Cảnh sát Phòng cháy Chữa cháy và về quản lý môi trường của Sở Tài nguyên và Môi trường.

- Đối với khu đất trường trung học phổ thông, trong quá trình triển khai dự án, Ủy ban nhân dân quận Tân Bình hoặc chủ đầu tư cần liên hệ cơ quan thẩm quyền để có ý kiến chấp thuận về kết nối giao thông của khu đất nhằm bảo đảm giao thông tại khu vực được thông suốt.

- Trường hợp ranh giới và quy mô diện tích đất được giao có thay đổi so với diện tích của đồ án quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 đã được thẩm định, phê duyệt, Ủy ban nhân dân quận Tân Bình hoặc chủ đầu tư cần lập hồ sơ điều chỉnh quy hoạch chi tiết để cơ quan thẩm quyền xem xét thẩm định, phê duyệt lại theo quy định.

**Điều 2. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân quận Tân Bình và các đơn vị có liên quan**

- Trong quá trình triển khai thực hiện quy hoạch, đề nghị Sở Xây dựng và Ủy ban nhân dân quận Tân Bình cần yêu cầu chủ đầu tư tổ chức triển khai thực hiện đồng bộ toàn khu 29.702,6 m<sup>2</sup> (dự án bao gồm chức năng đất nhóm ở chung cư và chức năng đất trường trung học phổ thông).

- Ủy ban nhân dân quận Tân Bình và đơn vị Tư vấn lập đồ án quy hoạch chi tiết chịu trách nhiệm về pháp lý ranh đất và hiện trạng sử dụng đất của đồ án này.

- Sau khi đồ án này được phê duyệt, Ủy ban nhân dân quận Tân Bình cần yêu cầu đơn vị tư vấn lập Quy định quản lý theo đồ án trình Sở Quy hoạch - Kiến trúc xem xét phê duyệt theo quy định.

**Điều 3.** Quyết định này đính kèm thuyết minh tổng hợp và các bản vẽ quy hoạch được nêu tại khoản 4, Điều 1 Quyết định này.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Giám đốc Sở Xây dựng, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở Giao thông vận tải, Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo, Viện trưởng Viện Nghiên cứu Phát triển Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Tân Bình, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Phường 14 và các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Lê Văn Khoa**

---

**VĂN PHÒNG UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Địa chỉ: 86 Lê Thánh Tôn, quận 1

Điện thoại: 38.233.686

Fax: (84.8) 38.233.694

Email: [tcb.ubnd@tphcm.gov.vn](mailto:tcb.ubnd@tphcm.gov.vn)

Website: [www.congbao.hochiminhcity.gov.vn](http://www.congbao.hochiminhcity.gov.vn)

In tại Xí nghiệp Bản đồ Đà Lạt - Bộ Quốc phòng